CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ PHÁP KINH

Bản cập nhật tháng 6/2014

http://kinhmatgiao.wordpress.com

CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ

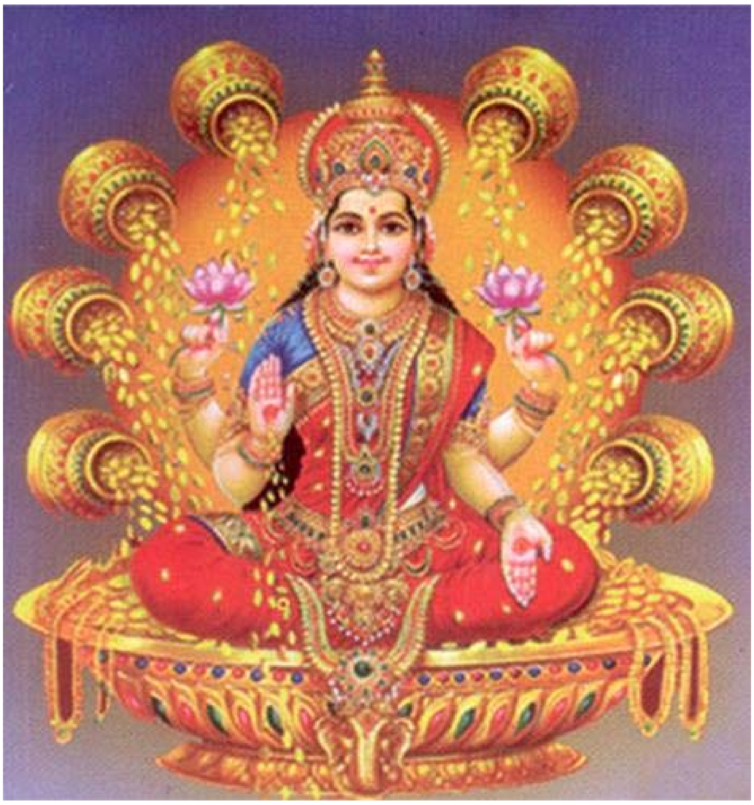
I) DANH HIỆU:

Cát Tường Thiên có tên Phạn là **Śrī-mahā-devī**, dịch âm là: Thất lợi ma ha đề tỳ, dịch nghĩa là: Cát Tường Đại Thiên Nữ. Đây là Nữ Thần hay ban bố Phước Đức

_ Lúc đầu, Thiên Nữ này vốn là một Vị Thần trong Thần Thoại Ấn Độ, là Ái Phi của **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa-deva), mẹ của **Thần Ái Dục** (Kāma).

Truyền thuyết khác cho rằng Thiên Nữ này có tên là **Lạc Khất-Sử Mính** (Lakṣmi: Cát Khánh hoặc Công Đức Thiên). Cha tên là **Đức Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka-nāga-rāja), mẹ tên là **Ha Lị Đế Mẫu** (Hāṛtye-mātṛ), Anh tên là **Tỳ sa Môn Thiên** (Vaiśravaṇa-veva).

Người Ấn Độ tôn phụng **Lakṣmi** là vị Nữ Thần của tài sản và vận may đồng thời tin tưởng rằng bà được sinh ra khi các Thần Linh và quái vật cùng sáng tạo bằng cách khuấy động biển sữa và vũ trụ bằng cách lấy con rắn Vaṣuki làm sợi dây quây tròn ngọn núi Maṇḍara; ngọn núi này được đặt trên lưng con rùa Kurma (Hóa thân của Thần Viṣṇu). Sự khuấy động này tạo ra Lakṣmi cùng với thứ **rượu Tiên** (Amṛta) làm cho các Thần Linh trở thành bất tử. Khi được thờ cúng riêng thì bà có tên là Lokamātṛ (Thế Giới Mẫu)



Truyền thống Ấn Độ ghi nhận 108 tên của Lakṣmi là:

1_ Prakruti
2_ Vikruti
3_ Vidya
4_ Sarvabhūtahitaprada
5_ Śraddha
6_ Vibhuti
7_ Surabhi

8_ Paramatmika
9_ Vachi
10_ Padmalaya
11_ Padma
12_ Śuci
13_ Svàhà
14_ Svadha
15_ Sudha
16_ Dhanya
17_ Hiranmayi
18_ Lakṣmi
19_ Nityapusta
20_ Vibha
21_ Aditi
22_ Dītya
23_ Dīpta
24_ Vasudha
25_ Vasudharini
26_ Kamala
27_ Kaṇṭha
28_ Kamakṣi
29_ Kamalasaṃbhava
30_ Anugrahaprada
31_ Budhi
32_ Anagha
33_ Harivallabhi
34_ Aśoka
35_ Amrutha
36_ Dīpa
37_ Lokaśokavinaṣiṇi
38_ Dharmanilaya
39_ Karuṇa
40_ Lokamatṛ
41_ Padmapriya
42_ Padmahasta
43_ Pamakṣya
44_ Padmasundari
45_ Padmodbhava
46_ Padmamukhi
47_ Padmanabhapriya
48_ Ramā
49_ Padmamaladhāra
50_ Devi
51_ Padmini
52_ Padmagandhini
53_ Punyagandha
54_ Suprasanna
55_ Prasadabhimukhi
56_ Prabhā

57_ Candravadana
58_ Caṇḍa
59_ Candrasahodari
60_ Caturbhūja
61_ Candrarūpaup
62_ Indira
63_ Induśītala
64_ Ahladajanani
65_ Puṣṭi
66_ Śiva
67_ Śivakari
68_ Satya
69_ Vimala
70_ Viśvajanani
71_ Puṣṭi
72_ Daridriyanaṇini
73_ Prītapuskarini
74_ Śānta
75_ Śuklamalambara
76_ Bhaskari
77_ Bilvanilaya
78_ Vararoha
79_ Yaśasvini
80_ Vasundhara
81_ Udaranga
82_ Hariṇi
83_ Hemamalini
84_ Dhanadhanyaki
85_ Siddhi
86_ Straina Saumya
87_ Śubhaprada
88_ Nrupaveśvagathananda
89_ Varalakṣmi
90_ Vasuprada
91_ Śubha
92_ Hiraṅyapraka
93_ Samudratanaya
94_ Jaya
95_ Maṃgala
96_ Devi
97_ Visnuvaksah
98_ Viṣṇupatni
99_ Prasannakṣi
100_ Narayana sama-śrita
101_ Daridriya Dhvamsini
102_ Devalakṣmi
103_ Sarvopadravanivariṇi
104_ Navadurga
105_ Mahā-kāli

106_ Brahma-Viṣṇu – Śivatmika
107_ Trikalagyanasampanna
108_ Bhuvaneśvarya
Ngoài ra Mật Giáo Ấn Độ còn ghi nhận 8 hình thức của Lakṣmi là:



1_ **Santhana Lakṣmi**: giúp cho giòng họ, con cháu được thịnh vương
2_ **Gaja Lakṣmi**: Giúp cho giàu có về gia súc
3_ **Dhana Lakṣmi**: Giúp cho có nhiều của cải, vàng bạc với các vật chất khác
4_ **Dhānya Lakṣmi**: Giúp cho giàu có về thực phẩm và lúa gạo
5_ **Vīra Lakṣmi**: Giúp cho phát triển lòng can đảm
6_ **Vijaya Lakṣmi**: Giúp cho luôn vượt thắng trong mọi trường hợp
7_ **Mahā-Lakṣmi**: Giúp cho an vui, hạnh phúc có nhiều may mắn (hay **Vidya-Lakṣmi**: giúp cho phát triển tri thức đạo đức)
8_ **Ādhi-Lakṣmi**: Giúp cho khởi đầu của sự tốt lành
Chân Ngôn là: "OṂ_ ŚRĪṂ MAHĀ-LAKṢMIYE _ SVĀHĀ"

_ Sau này Thiên Nữ cùng với chư Thần của hàng **Đế Thích** (Indra), **Ma Hê Thủ La** (Maheśvara), **Tỳ Thấp Nô** (Viṣṇu)... du nhập vào Phật Giáo và trở thành hàng Thiên Thần Hộ Pháp cho Phật Giáo.

Truyền thuyết của Phật Giáo Ấn Độ lại ghi nhận Thiên Nữ có cha tên là Đức Xoa Ca Long Vương, mẹ là Quỷ Tử Mẫu Thần, chồng là Tỳ Sa Môn Thiên Vương

Theo Phật Giáo Trung Hoa, **Công Đức Bản Khởi Kinh** ghi là: Thiên Nữ có cha tên là Luân Đầu Đàn Vương, mẹ là Pháp Giới Ma Gia

_**Tế Dư Bản Đỉnh Kinh** ghi là: Thiên Nữ có cha tên là Đỉnh Đa Môn Thiên Vương, mẹ là Âm Cụ Đại Nữ

Đồng thời hầu hết Kinh Bản đều ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Tỳ Sa Môn Thiên Vương và xác nhận Thiên Nữ là vị Bồ Tát Bát Địa, vì Đại Nguyện Lực nên hiện hình Thiên Nữ ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh

_ **Sao** ghi là: Vào thời Phật **Tỳ Bà Thi** (Vipaśyin), Bồ Tát này là cô gái tên **Nguyện Sa** làm 3 cái bánh Phước Điền phụng cúng Đức Phật ấy rồi phát thệ rằng: "**Đời sau, con làm Mãn Nguyện Bồ Tát, lúc thành Đẳng Chính giác sẽ mang hình thể nữ, diện mạo đoan chính, đủ tướng trăng tròn, ban phước cho tất cả chúng sinh, nguyện chẳng bỏ thân nữ, chẳng bỏ Diêm Giới** (Jambu-dvīpa: cõi Diêm Phù Đề) **chuyên cứu độ chúng sinh**". Nếu có người cúng dường Bồ Tát này sẽ khiến cho nương nhờ Phước Trí. Do vậy Bồ Tát này có tên gọi là **Phước Phần Thiên Nữ**

_ **Đại Cát Tường Kinh** ghi: "Này Cát Tường Thiên Nữ! Ngươi sẽ ở Thế Giới Cát Tường Bảo Trang Nghiêm thành Đẳng Chính Giác, hiệu là **Cát Tường Ma Ni Bảo Sinh Như Lai** Ứng Cúng Chính Đẳng Giác".

_ **Sao** ghi là: Cát Tường Thiên hiện ra 3 loại thân.

Đối với hàng Thượng Căn thì hiện hình **Đại Biện Tài Thiên Nữ**

Đối với hàng Trung Căn thì hiện hình **Đại Cát Tường Nữ**

Đối với hàng Hạ Căn thì hiện hình **Công Đức Thiên**. Nay gọi là: Cát Tường Nữ, Phước Phần Thiên Nữ, Nguyện Sa Nữ...

Từ đây Thiên Nữ này có rất nhiều tên gọi như: **Ma Ha Thất Lợi** (Mahā-śrī: Đại Cát Tường hay Đại Công Đức), **Thất Lợi Thiên Nữ** (Śrī-devī: Cát Tường Thiên Nữ hay Công Đức Thiên Nữ), Đệ Nhất Uy Đức Thành Tựu Chúng Sự Đại Công Đức Thiên, Cát Tường Công Đức Thiên, Bảo Tạng Thiên Nữ, **Đại Hải Sinh** (Jaladhī_Ja) hoặc 12 tên, 108 tên.... Riêng Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Danh Hiệu thì hai tên Thí Thực Giả và Thí Ẩm Giả được Kinh Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Khế 108 Danh Vô Cấu ghi nhận thành một tên là Thí Ẩm Thực, đồng thời trong Bài Đại Cát Tường Đà La Ni của Kinh Đại Cát Tường Đà La Ni lại có ghi nhận thêm tên **Vô Úy Quân Cát Tường Nữ** (Abhayasena-Śrīṇi) và **Bố Thí Giả** (Dānāye) cùng với 10 tên đã ghi nhận trong Kinh 12 Danh Hiệu. Như thế phải chăng 12 Danh Hiệu của Cát Tường Thiên Nữ phải được ghi nhận là

1) Cát Khánh (Lakṣmi)
2) Cát Tường Liên Hoa (Śrī-Padme)
3) Nghiêm Sức (Vāsinī)
4) Cụ Tài (Dhanādhipati)
5) Bạch Sắc (Gauri)
6) Đại Danh Xưng (Mahā-yasa)
7) Liên Hoa Nhãn (Padma-netre)
8) Đại Quang Diệu (Mahā-jyoti)
9) Bố Thí Giả (Dānāye)
10) Bảo Quang (Ratna-prabha)
11) Đại Cát Tường (Mahā-śrī)
12) Vô Úy Quân Cát Tường Nữ (Abhayasena-śrīṇi)

II) TRÚ XỨ :

_ Theo **Kinh Kim Quang Minh** do Ngài Nghĩa Tịnh dịch thì: Cát Tường Thiên Nữ cư ngụ tại cung điện thù thắng do 7 báu tạo thành, nằm trong vườn hoa Diệu Hoa Phước Quang gần thành Hữu Tài thuộc lãnh địa của Đa Văn Thiên Vương

_ **Ký** ghi là: Đại Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Thiên Vương, cư ngụ trong vườn hoa Kim Tràng thuộc cung của Đa Văn, ngày đêm luôn luôn theo sát Thiên Vương để cùng nhau ban bố lợi ích cho chúng sinh

_ **Đà La Ni Tập Kinh, Quyển 10, phần Công Đức Thiên Pháp** do sư A Nan Luật Mộc Xoa, sư Ca Diếp và Pháp Sư Cù Đa phiên dịch thì: Cát Tường Thiên Nữ ở trong Điện Kim Tràng trong vườn Công Đức Hoa Quang thuộc thành A Ni Mạn Đà do Tỳ Sa Môn Thiên Vương cai quản.

_ **Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi là: Thiên Nữ cư ngụ tại vườn hoa Phổ Quang trong Thành Hữu Tài của Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở phương Bắc

_ **Giác Thiền Sao** ghi là: Từ phương Bắc có cung của Tỳ Sa Môn Thiên tên là Sơ Phát Hoan Hỷ, cách đó chẳng xa có cái vườn hoa tên Phổ Quang, nơi ấy có cái thành tên là Hữu Tài được trang nghiêm bằng 7 báu. Thiên Nữ này cư ngụ ở đấy.

_ **Thiên Vương Niệm Tụng Pháp** ghi: Thượng Thủ **Thánh Quán Thế** (Quán Thế Âm Bồ Tát) thị hiện hình Thiên Nữ tên là Cát Tường Thiên. Một số kinh điển khác cũng cho rằng Cát Tường Thiên Nữ là thân thị hiện của Thánh Quán Âm nên cư ngụ tại Thế Giới Cực Lạc

_ **Quyết Nghi Sao** cho rằng: Cát Tường Thiên Nữ đồng Thể với Đức Bảo Sinh Như Lai nên có trú xứ ở Phương Nam. Cụ thể trong Chân Ngôn 108 Danh có ghi câu: "AVĀKA DEVI ŚRĪ: Nam Phương Thiên Nữ Cát Tường"

Riêng Bản Vị được phụng thờ thì hầu hết Kinh Điển đều cho rằng phải đặt Tượng Cát Tường Thiên Nữ ở phương Tây hoặc phương Bắc và lý giải rằng :

_ Cát Tường Thiên Nữ là thân biến hóa của Quán Thế Âm Bồ Tát nên có thể đặt Bản Vị tại phương Tây

_ Trong **Kim Cương Giới Man Trà La** thì Tỳ Sa Môn Thiên, nguyên là Vị Thiên ở phương Tây, sau này trở thành một trong 4 Thiên cư ngụ ở phương bắc của Núi Tu Di nên có tên gọi là Bắc Phương Tỳ Sa Môn Thiên. Do Cát Tường Thiên Nữ là Hậu Phi của Thiên Vương, từ lúc mới phát tâm, gặp được **Bảo Hoa Lưu Ly** Thế Tôn , đã cùng với Tỳ Sa Môn Thiên Vương phát thệ đời đời kiếp kiếp cùng tương trợ nhau chẳng hề xa lìa và cùng nhau ban bố lợi ích cho tất cả chúng sinh. Do đó Cát Tường Thiên Nữ thường tùy theo chồng, thoạt tiên ở phương Tây sau này cùng đến phương Bắc của Núi Tu Di và cư ngụ tại đó. Ngoài ra quan hệ vợ chồng của Cát Tường Thiên Nữ với Tỳ Sa Môn Thiên chỉ là sự biểu thị cho **Tính Bất Nhị** của **hai Bộ** (Liên Hoa Bộ và Kim Cương Bộ) và là một thể của Lý Trí.

_ **Tối Thắng Vương Kinh Già Đà** ghi là: Cát Tường Thiên Nữ là mẹ của chư Phật, Kiên Lao Địa Thần là Tâm Bất Hoại.

Đây chính là sự biểu thị cho Mẫu Năng Sinh của tất cả Phật Bồ Tát. Trong đó Cát Tường biểu thị cho nhiều ý nghĩa như: Đắc Được Phước Đức, đầy đủ không thiếu sót công đức của mọi điều lành, tổng thể Bình Đẳng Bất Nhị, Luân viên cụ túc, sự tốt lành an vui của tất cả Phật Bồ Tát, tất cả điều tốt lành... vì là nền tảng sinh ra Phật, Bồ Tát, Phật Tử nên Cát Tường Thiên Nữ biểu thị cho nghĩa là Mẹ của chư Phật .

Từ ý nghĩa này mà Cát Tường Thiên Nữ còn được coi là một phân thân của Đức Bảo Sinh Như Lai. Tuy nhiên hình thể Thiên Nữ biểu thị cho Phước Đức chưa viên mãn nên Cát Tường Thiên Nữ chỉ được coi là một đồng sự của Đức **Bảo Sinh Như Lai** (Ratna-saṃbhava-tathāgata) mà thôi. Do đó trong thứ tự Hộ Ma của Pháp Cát Tường Thiên Nữ thì Bộ Chủ là Bảo Bồ Tát, chư Tôn là Bảo Sinh kèm với 4 vị Bồ Tát

thân cận là: Bảo, Quang, Tràng, Tiếu. Còn lúc Kết Giới thì dùng **Mã Đầu Quán Âm** (Hayagīva). Cả hai điều này chính là sự tương thừa của Bảo Bộ và Liên Hoa Bộ trong Mật Pháp.

III) HÌNH TƯỢNG :
_Theo Truyền Thuyết Ấn Độ, Cát Tường Thiên Nữ có 4 tay hoặc 8 tay







_Người Ấn Độ còn thờ phượng chung nữ thần Lakṣmi với Thần Tài Kubera để cầu xin sự mạnh khỏe, giàu có thịnh vượng



Thần Chú của Lakṣmi-Kubera là:
OṂ_ ŚRĪṂ ŚRĪYAI KUBERA LAKṢMIYAI NAMAḤ



_ **Đà La Ni Tập Kinh, quyển 10** ghi là: Tượng Công Đức Thiên, thân đoan chính, màu trắng đỏ. Thân có hai tay, trang sức bằng mọi thứ Anh Lạc, vòng xuyến, ngọc đeo tai, khoác thiên y, đội mão báu. Thiên Nữ, tay trái cầm Như Ý Bảo, tay phải kết Ấn Thí Vô Úy, ngồi trên Đài cao (Nghi Đài). Hình tượng Thiên Nữ rất mỹ lệ đoan trang.



_ **Cát Tường Thiên Niệm Tụng Pháp** ghi là: Dùng gỗ đẹp làm hình tượng, tay trái cầm Bảo Châu, tay phải tác Ấn Dữ Nguyện, thân màu trắng như con gái 15 tuổi, dùng mọi loại Thiên Y quấn quanh thân rất trang nghiêm vi diệu.



吉祥天女（日本京都－淨琉璃寺）

_ **Tỳ Sa Môn Thiên Vương Kinh** ghi là: Vẽ hình Cát Tường Thiên Nữ có mắt rộng dài, dung mạo tịch tĩnh, đầu đội Thiên Quan (Mão trời) dùng vòng xuyến , Anh Lạc trang nghiêm thân, tay phải tác Thí Nguyện Thủ, tay trái cầm hoa sen hồng mới nở.





_ **Thiên Vương Niệm Tụng Pháp** ghi là: Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, thân màu trắng đỏ, tên gọi là Cát Tường Thiên





_ **Thạch Sơn Đạo Trường Quán** ghi là: Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu màu xanh để ngang trái tim, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn



Sự khác nhau về hai tay cầm vật khí đã được các nhà nghiên cứu lý giải như sau:

_ Tay trái biểu thị cho Phước Đức, tay phải biểu thị cho Trí Tuệ. Tay trái cầm Như Ý Bảo Châu biểu thị cho Phước Báo trang nghiêm, tay phải tác Thí VÔ Úy Thủ biểu thị cho nghĩa ban phước cho chúng sinh khiến họ không còn sự sợ hãi

_ Tay trái là LÝ, tay phải là TRÍ. Tay trái cầm viên ngọc Như Ý biểu thị cho việc: Chủ về Pháp Môn **Công Đức Trang Nghiêm** thâu nhiếp tất cả các Pháp và dùng Công Đức làm nền tảng. Tay phải kết Dữ Nguyện Ấn biểu thị cho tướng Đại Từ ban vui khiến cho mãn nguyện của mình và của người

_ Màu xanh biểu thị cho nghĩa **Cứu Độ**. Tay trái cầm viên ngọc Như Ý màu Xanh biểu thị cho nghĩa: Sẵn sàng đem Phước Đức đã có ban cho chúng sinh, tay phải kết Ấn Dữ Nguyện biểu thị cho nghĩa: Dùng nguyện lực Đại Bi ban Phước cứu Khổ cho mọi chúng sinh.

_ Hoa Sen 8 cánh biểu thị cho 8 Phước. Tâm Phàm Phu ví như hoa sen chưa nở, Tâm Phật là hoa sen đã hé nở . Đây là hoa sen Tâm của Phật Tính, một khi đã khai mở được hoa sen Tâm sẽ tự tại tuôn mưa tài bảo cho thế gian. Do vậy Tâm này chính là Tâm Bồ Đề và cũng là viên ngọc Như Ý

_ **Đại Nhật Kinh 7** ghi là: **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) là Báu Như Ý, hay mãn tất cả ước nguyện thù thắng hiếm có

Nay tay trái cầm Hoa Sen hé nở tức là Lý thâm sâu của tay cầm viên ngọc Như Ý vậy.

_Ngoài ra còn có Tôn Tượng 8 tay



_ Tại Tạng Truyền Phật Giáo thì **Cát Tường Thiên Mẫu** là một vị Thần Hộ Pháp nữ tính trọng yếu rất được sùng phụng, có ảnh hưởng lâu xa, thường được cúng phụng qua hình tượng Phẫn Nộ.

Hình tượng phẫn nộ của Cát Tường Thiên Mẫu là vị Hung Thần có màu xanh lam, tóc trên đầu có màu cam dựng đứng lên, trên mặt trang sức năm đầu lâu, đỉnh đầu có nửa vành trăng và lông chim công, trên khoen tai bên phải có con sư tử nhỏ trang sức, trên tai trái đeo một con rắn nhỏ, trên eo đeo sổ sách, tay phải cầm cây côn đầu lâu (khô lâu bổng), tay trái cầm cái chén đầu lâu chứa đầy máu tươi, trên thân khoác da người, ngồi trên con **Loa** (Lừa Ngựa giao hợp sinh ra con Loa) màu vàng phi hành trong ba cõi: trên trời, trên đất, dưới đất. Bên dưới chỗ ngồi của Ngài có treo đầu người rũ tóc xuống phía dưới. Phía trước yên ngựa, ở bên dưới có hai hột xúc sắc màu hồng và màu trắng. Phía sau cái yên có cái túi nhỏ, bên trong chứ đầy độc khuẩn bệnh dịch



Ý nghĩa của hình tượng này là:

.)**Thân thể màu xanh lam, đầu đội mão năm đầu lâu, tóc vàng cam dựng đứng** biểu thị cho sự phẫn nộ

.)**Đỉnh đầu có nửa vành trăng** biểu thị cho phương pháp của Tôn này là vô thượng

.)**Trên khoen tai bên phải có con sư tử nhỏ** biểu thị cho việc lắng nghe Phật Đạo

.)**Trên tai trái đeo một con rắn nhỏ** tượng trưng cho dấu hiệu của sự phẫn nộ

.)**Trên eo đeo sổ sách** biểu thị cho **bản Án** chuyên môn ghi chép việc mà con người đã gây hoại, tương lai của người ác sẽ bị xử trí bằng cách **lột da**

.)**Tay phải cầm cây côn đầu lâu** biểu thị cho việc chuyên môn đối phó với Quỷ ác, A Tu La

.)**Tay trái cầm cái chén đầu lâu chứa đầy máu tươi** biểu thị cho hạnh phúc

.)**Trên thân khoác da người** biểu thị cho việc vì **Đại Nghĩa diệt Thân**

.)**Bên dưới chỗ ngồi của Ngài có treo đầu người rũ tóc xuống phía dưới** biểu thị cho việc Môn Đồ của **Dị Giáo** đã bị Ngài giáng phục

.)**Hột xúc sắc màu hồng** chủ về việc giết chóc, **hột xúc sắc màu trắng** chủ về việc giáo hóa

.)**Bên trong cái túi nhỏ chứa đầy độc khuẩn bệnh dịch** biểu thị cho Tôn này là vị Thần chủ về sinh tử, bệnh ôn, thiện ác

.)**Ngồi trên con Loa màu vàng phi hành trong ba cõi: trên trời, trên đất, dưới đất** biểu thị cho việc Ngài có danh xưng là **Tam Giới Tổng Chủ**

IV) CHỦNG TỬ VÀ TAM MA GIA HÌNH:

Cát Tường Thiên Nữ dùng chủng tử ŚRĪ (श्री), Tam Ma Gia Hình là viên ngọc Như Ý.

_ **Bạch Bảo Khẩu Sao** ghi là :

ŚRĪ (श्री) là lấy chữ của Chân Ngôn làm Chủng Tử. ŚA là Bản Tính Tịch, RA là xa lìa bụi trần, Ī là Tai Họa.

ŚA Tự Môn (श) là trừ tâm sai biệt của các Pháp, nhiếp tất cả Diệu Lý Bình Đẳng của Pháp

RA Tự Môn (र)là trừ sự nhơ bẩn của trần nhiễm, nhiếp tất cả Phước Đức Trí Tuệ

Ī Tự Môn (ई) là trừ tất cả tai họa, nhiếp Quả viên mãn cứu cánh

Thường cùng với 3 loại tương ưng này mà nhiếp tất cả Pháp. Đó đây, ngang dọc đều nhiếp trì, trùng trùng vô lượng bình đẳng, không có cao thấp. Rốt ráo lìa tất cả Tướng. Do lìa tất cả Tướng cho nên chứng TỰ CHỨNG TAM BỒ ĐỀ của chư Phật. Chứng Tam Bồ Đề cho nên các Pháp **Chân Tục** thảy đều được hiện tiền. Báu **Chân Đà Ma Ni** (Cintā-maṇi) hay mãn ước muốn nguyện cầu của tất cả chúng sinh

_ Lại nữa, ŚRĪ nghĩa là Luân Viên Cụ Túc, Tổng Thể Bình Đẳng Bất Nhị. ŚRĪ do 3 chữ hợp thành

ŚA (श) là Bản Tính Tịch bất khả đắc

RA (र) là ly trần bất khả đắc

Ī (ई) là tự tại bất khả đắc

Theo nghĩa của chữ HRÌH thì Ì là Lý Thú tự tại. Chữ RA là chủng tử Bảo Châu của Bảo Bộ thuộc Phương Nam. Trần Cấu liền nhập vào nghĩa Bất khả đắc ly trần. Vì Ly Trần nên là Như Ý Bảo Châu

Phạm Võng Khai Đề ghi là: chữ RA là Trần Cấu, lúc thêm Tam Muội Đại Không thì hoàn trả tất cả Trần Cấu làm vật Báu

Tam Chủng Phá Địa Ngục Quỹ ghi là: Vàng, ngọc, trân bảo, nhật, nguyệt, tinh thần , Hỏa châu, ánh sáng đều từ chữ LA mà thành

ŚRĪ nghĩa là Bản Tính Tịch, ở tất cả Pháp là Pháp Bình Đẳng không có cao thấp

_ Lại ghi là: ŚA là Pháp Thân. RA là Báo Thân, Ī là Hóa Thân. Một Thể của 3 Thân (Tam Thân Nhất Thể) là ŚRĪ. Y theo lực gia trì này nên đối với chung sinh, ban cho Phước Trí nhị nghiêm không hề cùng tận

_ Lại nói là: 3 chữ này là 3 chữ của 3 Bộ **Phật, Liên, Kim** hợp Thể thành ŚRĪ. Chữ ŚRĪ này dịch là Cát Tường. Do vậy chữ Hán của Chủng Tử là Danh Hiệu của Tôn. Cát Tường cũng là tên gọi của Như Ý Bảo Châu

Sớ 19 ghi là: Cát Tường Như Ý Bảo Châu. Do đó nên biết Chủng Tử, Tam Hình, Bản Tôn đều chỉ một Vật. Một vật cho nên Cát Tường Thiên Nữ tức là Thật Thể của Bảo Châu, Thật Thể của Bảo Châu là Bản Tâm của **Giá Na** (Vairocana)

Sớ 6 ghi là: **Liên Hoa Đài Đạt Ma Đà Đô** (Padmāsana dharma-dhātu) tức là Thân Xá Lợi. Nếu chúng sinh giải được Bồ Đề Tâm Ấn này liền đồng với **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana)

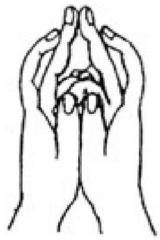
V) ẤN CHÂN NGÔN :

Ấn và Chân Ngôn của Cát Tường Thiên Nữ có rất nhiều nhưng vẫn không ra ngoài 3 Ấn và các Chân Ngôn sau :

1) BỊ GIÁP ẤN hay NỘI PHỘC TAM CỔ ẤN :

_ **Tập Kinh 10** ghi là: Công Đức Thiên Tâm Ấn

Hai ngón út, hai ngón vô danh cài ngược đầu giao nhau trong lòng bàn tay. Dựng thẳng hai ngón giữa sao cho 2 đầu ngón dính nhau. Hai ngón trỏ đều vịn lưng lóng trên của 2 ngón giữa, Hai ngón cái kèm dựng kề nhau



Ý nghĩa của Ấn này là :

_ Hai ngón út cùng cài nhau bên trong biểu thị cho Tâm Địa của Pháp Tính tức Nội Tương Xoa, hiện **Nội Chứng** của Thiên Nữ

_ Hai ngón vô danh như trên là chữ VA (𑖪)

_ Hai ngón cái đè trên móng là thêm Điểm Không thành chữ VAṂ (𑖪𑖽) nghiã là dùng Tính của nước TĨNH TRÍ rửa nghiệp phiền não nhơ bẩn cho chúng sinh và sinh ra công đức phước trí

_ Hai ngón giữa dựng hợp là Bình Đẳng Tính Trí. Tôn này là Cát Tường Ma Ni Bảo Sinh Như Lai , nên Lưỡng Bộ Nhất Vị biểu thị cho nghĩa Bất Nhị. Dùng nghĩa đó hợp dụng tức là Thể của Bảo Châu

_ Hai ngón trỏ dựng, trái phải biểu thị cho Phước Trí nhị Nghiêm. Ngón trỏ là chữ HA, nghĩa là Nhân Nghiệp. Suy ra Phước Trí như là Nhân đã được cải sửa vậy

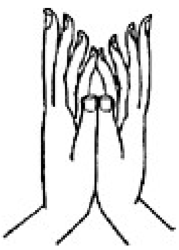
Nội Phộc Tam Cổ Xoa Ấn này là Quân Trà Lợi Đại Ấn, Bình Đẳng Tính Trí Môn. Đó đây đồng thể, nên dùng đồng Ấn

Chân Ngôn dùng Đại Cát Tường Đà La Ni

TADYATHĀ: OṂ_ LAKṢMI, ŚRĪ-PADME, VĀSINĪ, DHANĀDHIPATI, GAURI, MAHĀ-YASA, PADMA-NETRE, MAHĀ-JYOTI, DĀNĀYE, RATNA-PRABHA, MAHĀ-ŚRĪ , ABHAYA-SENA-ŚRĪṆI _ ŚRĪṆI, SARVATHĀ KĀRYA SĀDHANI, SINI SINI, NI NI NI NI , NĪTI NĪTI, ĪNI ĪNI, ALAKṢMI NĀŚAYA, SARVA LAKṢMI DEŚA DĀNĀYA SVĀHĀ _ NAMO SARVA BUDDHA BODHISATVE BHYAH _SVĀHĀ

2) BÁT DIỆP ẤN :

Chắp hai tay lại giữa rỗng, mở 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa, 2 ngón trỏ rồi hơi co lại như cánh sen



_ **Thập Nhất Diện Kinh** ghi là: Nhất thiết Cát Tường là Cát Tường Thiên, Thiên Sư. Ấn là Bát Diệp Ấn tức Thai Tạng Như Lai Thân Hội Ấn. Ấn ấy tên là Như Lai Cát Tường Nguyện Ấn

_ **Lâu Các Kinh** ghi nhận Ấn này là Cát Tường Thiên Nữ Ấn. Chân Ngôn là:

Oṃ_ VIMALA UGRA VATI SAṂBHARA HŪṂ

(Tạm diễn dịch là: ***Hỡi Đấng có đầy đủ uy đức lìa cấu nhiễm! Hãy giúp đỡ cho con thành tựu cuộc sống cao đẹp của Thánh Nhân***)

Do kết Ấn tụng Chân Ngôn này sẽ mãn nguyện mong ước. Khi tác Pháp này, mọi điều yêu thích đều được như ý

_ **Tỳ Sa Môn Thiên Vương Kinh** ghi nhận Cát Tường Thiên Nữ Ấn là Bát Diệp Ấn. Chân Ngôn là:

NAMO ŚRĪ-GAṆĀYA

NAMO VAIŚRAVAṆĀYA , MAHĀ-YAKṢA-RĀJA , ADHIRĀJAYA

NAMAḤ ŚRĪYAYE MAHĀ-DEVI

TADYATHĀ: OṂ _ TĀRA TĀRA, TURU TURU , ŚĀSTRA ŚĀSTRA, MAṆI KANAKA, VAJRA , VAIḌURYA , MUKTA, NĀMĀLUṂKṚTA, BHŪḤ _ SARVA HĪTA _ KĀMA, VAIŚRAVAṆA, ŚRĪ-DEVI, MĀLĀṂ VI _ EHYEHI, GṚHṆA GṚHṆA, MASA MASA, DARŚAYA SIDDHI DĀDĀHIME _ DARŚANA KĀMAṢYA , DARŚANĀṂ PRAKRADĀYA MAṆA , SVĀHĀ

(Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

Quy mệnh Cát Tường Chúng Đẳng

Quy mệnh Tỳ Sa Môn Đại Dược Xoa Vương Căn Bản Vương Đẳng

Kính lễ Cát Tường Đại Thiên Nữ

Như vậ : OM !

Cứu độ, cứu độ khắp. Nhanh chóng, cực nhanh chóng ban giáo huấn về luật giới Thánh sáng tạo vật dụng trang nghiêm là: Ngọc Như Ý, vàng, Kim Cương, Lưu Ly đem lại sự lợi ích cho tất cả Hữu Tình.

Hỡi Thần Ái Dục! Tỳ Sa Môn Thiên Vương! Cát Tường Thiên Nữ! Bậc Tối Thắng đeo tràng hoa vinh quang!

Hãy khéo đến gìn giữ cầm nắm khắp, thay đổi thay đổi khắp .

Hãy ban bố cho con thành tựu Kiến Giải. Khiến cho nhìn thấy điều yêu thích và khiến cho mọi người nhìn thấy con đều khởi ý vui thích

Nguyện cho con quyết định thành tựu viên mãn)

3) BẢO BỒ TÁT ẤN :

Đem 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh cài chéo nhau bên trong lòng bàn tay. Hướng 2 ngón út ra ngoài cài chéo nhau, bên phải đè bên trái. Co cứng ngón trỏ phải, dựng thẳng ngón trỏ trái Co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. Hợp 2 cổ tay.

Công Đức Thiên Pháp ghi nhận Ấn này là Công Đức Thiên Thí Trân Bảo Ấn (Thứ tư). Chân Ngôn là Đại Thân Chú tức Thiện Nữ Thiên Chú.

_ **Công Đức Thiên Pháp** ghi là: Kết Đại Ấn còn gọi là Công Đức Thiên Đại Thân Ấn: Đem 2 ngón vô danh câu móc nhau ở trong lòng bàn tay, dựng đứng 2 ngón út sao cho đầu ngón cách nhau một thốn, dựng thẳng 2 ngón trỏ dựa đầu nhau, đặt 2 ngón trỏ trên lóng thứ ba của 2 ngón giữa, kèm dựng thẳng 2 ngón cái, đưa đầu ngón qua lại

Chân Ngôn là Đại Thân Chú còn gọi là Thiện Nữ Thiên Chú

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAÑGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĀYA

TADYATHĀ: PARIPŪRṆA CALE, SAMANTA DARŚANI, MAHĀ-VIHARA GATE, SAMANTA VIDHĀNA GATE, MAHĀ-KĀRYA-PATI, SUPARIPŪRE_ SARVATHĀ SAMANTA SUPRATI PŪRṆA, AYANA DHARMATE , MAHĀ-VIBHAṢITE , MAHĀ-MAITRE, UPASAṂHITE _ HE! TITHU, SAṂGṚHITE , SAMANTA ARTHA ANUPALANI

(Bài Chú trên có thể diễn dịch là :

Quy y Phật

Quy Y Pháp

Quy Y Tăng

Quy Y Cát Tường Đại Thiên

Như vậy : Hỡi Đấng Quyền Năng hay ban bố sự viên mãn thù thắng!

Đấng Chủ Tể Đại Tác Nghiệp hay nhìn thấy khắp cả nẻo phân ly rộng lớn và nẻo kết hợp rộng lớn

Hãy khéo léo làm cho tất cả mọi nơi đều được đầy đủ

Hãy khiến cho khắp tất cả mọi nơi đều được sự viên mãn thù thắng tối thượng

Hãy thể hiện lòng Đại Từ làm cho Lý Thú Pháp Tính phóng tỏa ánh sáng màu nhiệm rộng lớn khiến cho con và chúng sinh được thích ứng với sự lợi ích chân chính

Mừng thay Đấng biểu hiện của lòng yêu thương!

Đấng chân chính gìn giữ sự lợi ích

Hãy giúp cho con và chúng sinh đều gìn giữ được khắp mọi tài sản lợi ích)

Kinh này còn ghi chú là: SVĀHĀ nghĩa là tán khứ. Vì Chú này cầu tài vật nên không có SVĀHĀ bởi lẽ điều này chẳng dính với SVĀHĀ

_Truyền thống khác ghi nhận bài Chú này là:

NAMO BUDDHĀYA

NAMO DHARMĀYA

NAMO SAṄGHĀYA

NAMO ŚRĪ MAHĀ-DEVĪYA

TADYATHĀ: (OṂ) PARI-PŪRṆA-CARE, SAMANTA DARŚANE, MAHĀ-VIHĀRA GATE, SAMANTA VIDHĀ-MANE, MAHĀ-KĀRYA-PRATI-ṢṬHĀPANE_ SARVĀRTHA-SĀDHNE, SUPRATI-PŪRE, ĀYĀNA DHARMATĀ , MAHĀ-AVIKOPITE, MAHĀ-MAITRĪ, UPA-SAṂHITE, MAHĀ-KLEŚE SU-SAṂGṚHĪTE, SAMANTĀRTHA ANUPĀLANE SVĀHĀ

.)Ý nghĩa của **Đại Thân Chú** này là:

Namo buddhāya: Quy y Phật đẳng

Namo dharmāya: Quy y Pháp đẳng

Namo saṅghāya: Quy y Tăng đẳng

Namo śrī-mahā-devīya: Quy y Cát Tường Đại Thiên Nữ đẳng

Tadyathā: Như vậy, liền nói Chú là

Oṃ: Nhiếp triệu

Pari-pūrṇa-care: Viên Mãn Hành, thực hiện tròn đủ

Samanta-darśane: có thể thấy tràn khắp

Mahā-vihāra-gate: Đại Trú Xứ Bỉ Ngạn, bờ bên kia của trú xứ to lớn

Samanta-vidhā-mane: Ý niệm dạy bảo khắp

Mahā-kārya: Đại Sự Nghiệp, sư nghiệp to lớn

Prati-ṣṭhāpane: An trụ

Sarvārtha-sādhane: Tất cả nhiêu ích, lợi ích

Suprati-pūre: Khéo đầy đủ, cứu cánh viên mãn

Āyāna-dharmatā: tiếp cận Pháp Tính
Māha-avikopite: Đại bất thoái, đại bất hoại
Mahā-maitrī: Đại Từ
Upa-saṃhīte:Gần gũi thân cận lợi ích chân chính
Mahā-kleśe-su-saṃgṛhīte: khéo chân chính giữ gìn lợi ích bên trong **sự Phiền Não rộng lớn** (Đại phiền não)
Samantārtha anupālane: Giữ gìn lợi ích của cải cho khắp cả
Svāhā: Đem đến sự tốt lành

Ngoài các Ấn Chú trên, Kinh Điển còn ghi nhận thêm một vài Chân Ngôn của Cát Tường Thiên Nữ là

_ Tiểu Chú thường dùng là (Kết Bát Diệp Ấn)
OṂ_ MAHĀ-ŚRĪYAYE SVĀHĀ
(***Quy mệnh Đại Cát Tường Đẳng, viên mãn tốt lành***)

_ Có lúc dùng câu: ALAKṢMI NĀŚAYA (***Tiêu trừ điều chẳng tốt lành***)

_ **Thập Nhất Diện Kinh** ghi **Nhất Thiết Cát Tường Tâm Chân Ngôn** là :
NAMO ŚRĪYAYE _ OṂ_ KILI MILI NÌYE _ SVĀHĀ
(Quy mệnh Cát Tường Đẳng. Hãy găm chặt, ngăn chận, ra lệnh khiến cho viên mãn tốt lành)

_ **Thành Tựu Viện** truyền miệng câu Chú là :
OṂ_ ŚRĪ-DEVAPUTRAṢYA, ŚĀNTI KURU, SVĀHĀ
(***Quy mệnh Cát Tường Thiên Tử Đẳng. Hãy tạo dựng sự an bình vắng lặng khiến cho viên mãn tốt lành***)

_ **Thánh Hiền** ghi là: Lúc tu Pháp có thể dùng Ấn : Chắp 2 tay lại giữa rỗng, đưa 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay, co 2 ngón vô danh, đặt 2 ngón cái trên móng 2 ngón vô danh liền thành. Chân Ngôn là :
NAMO RATNA-TRAYĀYA_BHADRA ŚRĪ _ LOKA ŚRĪ _ RĀJA ŚRĪ _ SUBHA ŚRĪ _ VIMALA ŚRĪ _ VAJRA ŚRĪ _ RAṆAṂ ŚRĪ _ PADMA ŚRĪ _ BRAHMAṂ ŚRĪ _ ATUBHARA ŚRĪ _ MAHÀ ŚRĪ _ JÑĀNA ŚRĪ _ SVĀHĀ
(***Quy y Tam Bảo***
Như vậy: Hiền Cát Tường, Thiên Thần Tối Thượng Cát Tường, Cam Lộ Cát Tường, Long Cát Tường, Thế Giới Cát Tường, Vương Cát Tường, Hoan Hỷ Cát Tường, Ly Cấu Cát Tường, Kim Cương Cát Tường, Chiến Đấu Cát Tường, Liên Hoa Cát Tường, Phạm Hạnh Cát Tường, Trọng Đảm Cát Tường, Đại Cát Tường, Trí Cát Tường, viên mãn thành tựu)

_Tạng Truyền Phật Giáo còn ghi nhận chữ chủng tử của Cát Tường Thiên Mẫu là BHYOḤ và tùy theo giòng phái truyền dạy **Cát Tường Thiên Mẫu Chú** hoặc **Cụ Đức Thiên Mẫu Chú** khác nhau:

.)**Cụ Đức Thiên Mẫu Chú**:

OṂ HŪṂ ŚRIYA DEVĪ KALI MAHĀ-KALI HŪṂ BHYOḤ

Phàm cầu đảo tiêu tai, mạnh khỏe, giàu có, cảm tình, hôn nhân, quan lộc, địa vị uy thế, trừ chướng thì Thần Chú này hay tiêu trừ Duyên chướng ngại, mau chóng gom tập được thuận duyên, cát tường

.)**Cát Tường Thiên Mẫu Chú** (Chú ngắn):
“Cứu lạt mẫu, cứu lạt mẫu, cứu cứu lạt mẫu”
BHYOḤ RAKMO, BHYO RAKMO, BHYO BHYO-RAKMO

.)**Cát Tường Thiên Mẫu Chú** hay **Cụ Đức Phật Mẫu Tâm Chú** (Chú dài):
“**Cứu lạt mẫu, cứu lạt mẫu, cứu cứu lạt mẫu, thôn cứu, ca lạp lạt khánh mẫu, lạt mẫu, a gia đáp gia, thôn cứu, nhập lộ nhập lộ, hồng, cứu, hồng**”
BHYOḤ RAKMO, BHYO RAKMO, BHYO BHYO RAKMO, THUNA BHYO, VILARAGACENAMO RAKMO, AVYATA THUNA BHYO, RULU RULU, HŪṂ BHYO HŪṂ



VI) HÀNH PHÁP :

Dùng Thiên Nữ này làm Bản Tôn để tu Pháp Sám Hối tội lỗi thì gọi là Cát Tường Thiên Nữ Pháp hay Cát Tường Sám Hối Pháp. Man Đà La sử dụng để tu Pháp này gọi là **Cát Tường Thiên Man Đà La**.

_ **Tập Kinh** ghi: Nếu muốn tác Pháp thì chọn ngày mồng 3, mồng 7 tháng Giêng. Nên dùng tháng này để vào Đàn ắt Thiên Nữ vui vẻ. Tháng khác thì chẳng được.

Lại nói từ mồng 8 cho đến ngày 14 trong tháng, dùng đất bùn sạch tốt làm Thủy Đàn rộng 4 khuỷu tay

_ **Công Đức Thiên Pháp** ghi là: Dùng gỗ cây mới đốn làm hình Thiên Nữ, thân dài một thốn. Chú Sư từ ngày mồng một tháng Giêng rưới vảy tắm. Nên ở trước Tượng

bày biện mọi thứ cúng dường, ngày ngày đặt thêm bên trên vật cúng dường tốt. Như vậy đến ngày 15 sẽ mãn túc ước muốn, người cầu đều vừa ý.

Công Đức Thiên Nữ Niệm Tụng Pháp ghi: Dùng gỗ đẹp làm hình tượng Thiên Nữ, tay trái cầm Bảo Châu, tay phải tác Dữ Nguyện Ấn, thân màu trắng như thiếu nữ 15 tuổi. Dùng mọi thứ áo khoác (Thiên Y) vi diệu trang nghiêm. Hiện hình Thiên Nữ cho nên chẳng mặc Pháp Y (Áo Pháp), dùng Thiên Y quấn thân. Bên trái vẽ **Diệu Kiến Thiên Nữ**, tay trái nâng Bảo Châu, tay phải tác Thí Vô Úy. Bên phải vẽ Công Đức Thiên Nữ, tay trái ôm cái bát đầy hoa, chưởng phải hướng ra ngoài. Lại bên trái vẽ **Biện Tài Thiên Nữ**, tay trái cầm cây Tam Kích, tay phải cầm cây kiếm bén. Bên phải vẽ **Đại Quang Thiên Nữ,** tay trái cầm mặt trời, tay phải kết Ấn Dữ Nguyện. Lại tiếp 4 phương vẽ 4 Vị Thiên Vương có binh lính và vô lượng quyến thuộc vây quanh

_ **Thành Tựu Viện** ghi là: Thoạt tiên quán chữ AḤ (अः) phóng tỏa ánh sáng lớn biến đại địa thành lưu ly, chung quanh có suối chảy ao hồ. Trung ương có chữ ĀḤ (आः) biến thành cung điện báu, ở giữa cung điện có cái Đàn, trên Đàn có Đài sen nở. trên Đài sen có chữ ŚRĪ (श्री) biến thành Như Ý Bảo Châu. Bảo Châu biến thành **Cát Tường Thiên Nữ**, đầu đội mão Ma Ni, diện mạo đoan chính kỳ diệu, tay trái cầm Như Ý Bảo, tay phải kết Thí Nguyện Ấn, sau lưng có hào quang tròn, ngồi trên hoa sen hồng. Phạm Vương, Đế Thích, 4 Đại Thiên Vương với vô lượng quyến thuộc vây quanh.

Căn Bản Ấn là Bát Diệp Ấn

Chân Ngôn là: OṂ_ MAHĀ-ŚRĪYAYE SVĀHĀ

Sau khi tụng niệm thì niệm Kinh Đại Cát Tường, 12 Danh Hiệu

Kết Nội Phộc Tam Cổ Ấn, tụng Chân Ngôn: TADYATHĀ : ŚRĪṆI ŚRĪṆI, SARVA KĀRYA SĀDHANI, SINI SINI , NI NI NI NI, ALAKṢMI NĀŚAYA _ SVĀHĀ

Lại tụng Chân Ngôn: OṂ _ ŚRĪ-DEVA-PUTRAṢYA, ŚĀNTI KURU _ SVĀHĀ

_ Lược **Đạo Trường Quán**: Kết Địa Giới, bên trên kết Kim Cương Tường, bên trong có biển lớn chứa nước 8 công đức. Chính giữa có núi Tu Di Vương do 4 báu trang nghiêm. Giữa lưng Núi có cung điện, ở giữa có Diệu Đàn. Giữa Đàn có tòa sen nở. Trên Tòa có vành trăng, giữa vành trăng có chữ ŚRĪ (श्री), chữ ŚRĪ biến thành **Như Ý Bảo Châu**, Bảo Châu biến thành **Cát Tường Thiên Nữ** có tướng tốt đẹp viên mãn, vi diệu trang nghiêm, tay trái cầm Như Ý Bảo Châu, tay phải kết Ấn Thí Nguyện, đỉnh đầu và lưng có hào quang tròn, quyến thuộc vây quanh.

Ngoài ra còn có nhiều nghi thức tu trì khác như: Cát Tường Thiên Nữ Cúng Dường Thứ Đệ, Nhập Ngã Ngã Nhập, Quán Tưởng Trì niệm, Hộ Ma, Cát Tường Đa Văn Đồng Thể Quán...

Theo truyền thống Mật Giáo thì Cát Tường Thiên Nữ còn có người em gái tên là **Hắc Nhĩ** (Kṛṣṇa-karṇa). Hai chị em cùng đi chung với nhau chẳng rời. Chị tên Cát Tường , đi đến đâu đều đem lợi ích đến đó. Em tên Hắc Nhĩ , do có lỗ tai màu đen mà có tên, xưa dịch là Hắc ám, đi đến đâu đều gây nên sự tổn hoại. Do đó hai chị em (Công Đức Thiên, Hắc Ám Nữ) biểu thị cho nghĩa **Phước Họa Tương Tùy**. Chính vì lý do này mà tín ngưỡng Cát Tường Thiên Nữ ngày càng giảm dần. Sau này, tại Nhật Bản rất tôn phụng Biện Tài Thiên Nữ là Nữ Thần tăng ích phước đức thay cho Cát Tường Thiên Nữ

_ Thầy truyền rằng: Lúc cúng Cát Tường Thiên thì nên cúng cả Thần này (Hắc Nhĩ). Các việc như chuẩn mực, 7 ngày chia làm 3 lần. Hoặc trước sau chỉ có 7 ngày.

Có điều nhà thất của Hắc Ám, nếu hành ở nơi rừng Trúc thì đừng đốt lửa

Hắc Nhĩ có chủng tử là KA (क). Tam Muội Gia hình là chày Độc Cổ. Ấn là Phổ Ấn. Chân Ngôn là:

OṂ_ KĀLA ŚRĪ, SVĀHĀ (Quy mệnh Hắc Thiên Cát Tường, thành tựu tốt lành)

Thứ tự Pháp Thí: Tâm Kinh (3 quyển)_ Kim Cương Bát Nhã Kệ_ Quang Minh Chân Ngôn_ Phát Tâm Bồ Đề (100 biến)_ Tam Muội Gia Giới (100 biến)_ Bản Tôn Chú (100 biến, hoặc 1000 biến)

_ **Khẩu** truyền là: Dùng Tùy Cầu Đà La Ni. Vì Hắc Nhĩ là Hộ Pháp của Tùy Cầu cho nên tụng Tùy Cầu Chú, Hắc Nhĩ sẽ chẳng gây chướng ngại

(Cát Tường Thiên Pháp, lúc Tán Niệm Tụng thì tụng Tùy Cầu Chân Ngôn 108 biến . Có Kinh ghi là: Tùy Cầu Pháp giải thoát Hắc Nhĩ)

Tùy Cầu Đà La Ni Kinh ghi là :

Người thọ trì Tùy Cầu
Kim Cương Bí Mật Chủ
Hộ Thế Tứ Thiên Vương
Cam Lộ Quân Trà Lợi
Vô Năng Thắng Minh Phi
Hắc Nhĩ, Cát Tường Nữ
Do trì Mật Ngôn này
Ngày đêm thường tùy toại Theo sát làm cho vừa ý)
Hay mãn các Nguyện khác

Đại Tùy Cầu Tùy Tâm Chân Ngôn là:

OṂ_ BHARA BHARA, SAṂBHARA SAṂBHARA, INDRIYA VIŚODHANI, HŪṂ HŪṂ , RURU CALE, SVĀHĀ

(Hãy giúp đỡ đảm nhận, chân chính giúp đỡ đảm nhận, tĩnh trừ các căn, khủng bố và lay động Nội trần với Ngoại Trần khiến cho viên mãn cát tường)

Mật Tạng Bộ 4 _ No.1252 (Tr. 252)

PHẬT NÓI KINH
12 DANH HIỆU CỦA ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng sa môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạn Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe.Một thời Đức Bạc Già Phạm ngự ở Thế giới An Lạc (Sukhavatī). Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đi đến nơi Phật ngự cúi lậy bàn chân của Đức Phật rồi ngồi sang một bên.

Lúc đó, Đại Cát Tường Thiên Nữ Bồ Tát Ma Ha Tát cũng đến nơi Phật ngự, cúi đầu lễ bàn chân của Đức Phật rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy Đức Thế Tôn muốn đem sự lợi ích cho các hữu tình có phước mỏng, nghèo túng, cho nên nhìn Cát Tường Thiên Nữ, liền nói với Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Nếu có Bật sô, Bật sô ni, Cận sự nam, Cận sự nữ với các loại hữu tình ấy biết được 12 danh hiệu của Đại Cát Tường Thiên Nữ này mà hay thọ trì, đọc tụng, tu tập, cúng dường, diễn nói cho người khác nghe thì hay trừ bỏ tất cả nghiệp chướng nghèo túng, hưởng được sự phú quý,tài bảo dư thừa."

Bấy giờ tất cả Tám Bộ Trời Rồng trong Hội đều khác miệng cùng lời nói rằng: "Như lời nói chân thật không hư dối của Đức Thế Tôn,chúng con nguyện nghe 12 danh hiệu. Nguyện xin Đức Thế Tôn Đại Bi diễn nói".

Đức Phật bảo: "Các ngươi hãy lắng nghe! Nay Ta sẽ vì các ngươi mà nói. Ấy là :

1) Cát Khánh.
2) Cát Tường
3) Liên Hoa.
4) Nghiêm Sức
5) Cụ Tài.
6) Bạch Sắc.
7) Đại Danh Xưng.
8) Đại Quang Diệu.
9) Thí Thực Giả.
10) Thí Ẩm Giả.
11) Bảo Quang.
12) Đại Cát

Các ngươi nên thọ trì 12 Danh Hiệu này. Nay Ta lại nói **Cát Tường Chân Ngôn** là:

"Đát nễ-dã tha: Thất-lý nê, thất-lý nê. Tát phộc ca lý dã, bà đà nãnh. Tất nãnh, tất nãnh. Nãnh nãnh nãnh nãnh. A lạc khất sử mính, nẵng xả dã, sa phộc hạ"



TADYATHĀ: ŚRĪṆI ŚRĪṆI _ SARVA KĀRYA-SĀDHANI _ SINI SINI _ NI NI NI NI _ ALAKṢMI NĀŚAYA _ SVĀHĀ.

Khi Đức Thế Tôn nói đà la Ni này xong thì bảo Quán Tự Tại bồ tát rằng:

"**Đại Cát Tường Đà La Ni** với **12 Danh Hiệu** này hay trừ sự nghèo túng, tất cả mọi việc chẳng lành , hết thảy sự nguyện cầu đều được viên mãn._ Nếu có thể ngày đêm 3 thời đọc tụng kinh này, mỗi thời 3 biến hoặc thường thọ trì chẳng gián đoạn, tác tâm nhiêu ích, tùy khả năng chân thành cúng dường **Đại Cát Tường Thiên Nữ Bồ Tát** thì mau được tất cả tài bảo, sung túc, an vui, cát tường".

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát với các Đại Chúng, 8 Bộ Trời Rồng nghe Đức Phật nói 12 Danh Hiệu với Chân Ngôn liền ngợi khen rằng: "**Thật chưa từng có!"** và hết thảy đều mừng rỡ, tin nhận phụng hành .

PHẬT NÓI KINH 12 DANH HIỆU CỦA ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ (Hết)

10/11/2006

Mật Tạng Bộ 4_ No.1225Bis (Tr.252_Tr.253)

PHẬT NÓI KINH
12 DANH HIỆU CỦA ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ

Hán dịch: Đời Đường Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG
Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Bạc Già Phạm ngự ở Thế Giới Cực Lạc (Sukhavatī) cùng với vô lượng chúng Đại Bồ Tát trước sau vây quanh nghe Đức Phật nói Pháp.

Bấy giờ **Quán Tự Tại** Bồ Tát Ma Ha Tát (Avalokiteśvara-bodhisatvāya mahā-satvāya), **Đại Cát Tường Thiên Nữ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Mahā-śrī-bodhisatvāya Mahā-satvāya) … đều từ chỗ ngồi đứng dậy, đến nơi Đức Phật ngự, cúi lậy bàn chân của Đức Thế Tôn rồi ngồi sang một bên.

Khi ấy Đức Thế Tôn muốn đem lại sự lợi ích cho các Hữu Tình có phước mỏng, nghèo túng nên nói với Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Này Thiện Nam Tử! Nếu có Bật Sô, Bật Sô Ni, Cận Sự nam, Cận Sự nữ , các loài Hữu Tình biết được 12 Danh Hiệu của Đại Cát Tường Thiên Nữ này mà hay thọ trì, đọc tụng, tu tập, cúng dường hoặc diễn nói cho người khác nghe thì hay từ bỏ tất cả sự nghèo túng, nghiệp chướng và hưởng được sự giàu có lớn, tài bảo sung túc"

Lúc đó Tám Bộ Trời Rồng trong Hội đều khác miệng cùng lời nói rằng: "Như lời nói chân thật không hư dối của Đức Thế Tôn. Chúng con nguyện nghe 12 Danh Hiệu. Nguyện xin Đức Thế Tôn Đại Bi diễn nói"

Đức Phật bảo: "Các ngươi hãy lắng nghe! Nay Ta vì ngươi mà nói. Đây là 12 Danh Hiệu, các ngươi nên thọ trì. Ấy là :

1) Cát Khánh (LAKṢMI)
2) Cát Tường Liên Hoa (ŚRĪ-PADME)
3) Nghiêm Sức (VĀSINĪ)
4) Cụ Tài (DHANĀDHIPATI)
5) Bạch Sắc (GAURI)
6) Đại Danh Xưng (MAHĀ-YASA)
7) Liên Hoa Nhãn (PADMA-NETRE)
8) Đại Quang Diệu (MAHĀ-JYOTI)
9) Thí Thực Giả (?DĀTRĪ)
10) Thí Ẩm Giả (?BHOKTRĪ)
11) Bảo Quang (RATNA-PRABHA)
12) Đại Cát Tường (MAHĀŚRĪ)

Nay Ta lại nói **Đại Cát Tường Đà La Ni** là :

1) **Đát nễ-dã tha** (TADYATHĀ)
2) **Thất-lý nê, thất-lý nê** (ŚRĪṆI ŚRĪṆI)
3) **Tát phộc ca lị-dã sa đà nĩnh** (SARVA KĀRYA SĀDHANI)
4) **Tất nĩnh, tất nĩnh** (SINI SINI)
5) **A lạc khất-sử mính, nẵng xả dã, sa-phộc hạ** (ALAKṢMI NĀŚAYA _ SVĀHĀ)

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong liền bảo Quán Tự Tại Bồ Tát rằng: "**Đại Cát Tường Đà La Ni** với **12 Danh Hiệu** này hay trừ sự nghèo túng với tất cả

mọi việc chẳng lành, hết thảy điều nguyện cầu đều được đầy đủ. Nếu có thể ngày đêm 3 thời đọc tụng Kinh này, mỗi thời 3 biến hoặc thường thọ trì chẳng gián đoạn, tác tâm nhiêu ích, tùy khả năng chân thành cúng dường **Đại Cát Tường Thiên Nữ Bồ Tát** sẽ mau được tất cả tài bảo, sự giàu có, tốt lành, an vui”.

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát với các Đại Chúng, Tám Bộ Trời Rồng theo Đức Phật, nghe nói 12 Danh Hiệu với Đà La Ni, thì ca ngợi rằng: “**Thật hiếm có!”** thảy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT NÓI KINH 12 DANH HIỆU CỦA ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ (Hết)

TADYATHĀ: ŚRĪṆI ŚRĪṆI _ SARVA KĀRYA SĀDHANI _ SINI SINI_ NI NI NI NI_ ALAKṢME NĀŚAYA SVĀHĀ

15/07/2013

Mật Tạng Bộ 4 _ No.1253 (Tr.253_ Tr.255)

ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ 12 KHẾ 108 DANH VÔ CẤU ĐẠI THỪA KINH

(Dvādaśa-daṇḍaka-nāmāṣṭa-śata-vimalīkaraṇā)

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavaṃ: Thế Tôn) ngự tại Thế Giới **An Lạc** (Sukha-vatī) cùng với chúng Đại Bồ Tát là: **Quán Tự Tại** Bồ Tát (Avalokiteśvara), **Đắc Đại Thế** Bồ Tát (Mahā-sthāma-prāpta), **Trừ Nhất Thiết Cái Chướng** Bồ Tát (Sarva-nīvaraṇa-viṣkaṃbhin), **Địa Tạng** Bồ Tát (Kṣiti-garbha), **Phổ Quang** Bồ Tát (?Phổ Hiền Bồ Tát: Samanta-bhadra), **Hư Không Tạng** Bồ Tát (Ākāśaa-garbha), **Kim Cương Thủ** Bồ Tát (Vajra-pāṇi), **Trừ Nhất Thiết Bố Úy** Bồ Tát (Sarva-bhaya-hara), **Trì nhất Thiết Thanh Tĩnh Cát Tường** Bồ Tát (Sarva-maṅgala-dhāra), **Trì Nhất Thiết Phước Tướng** Bồ Tát (Sarva-puṇya-lakṣana-dhāra), **Trì Nhật Nguyệt Tam Thế** Bồ Tát (Candra-sūrya-trailokya-dhāra), **Văn Thù Sư Lợi** Bồ Tát (Mañjuśrī)... Nhóm Bồ Tát như vậy đều là Bậc **Thượng Thủ** (Parimukha).

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đi đến nơi Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật rồi lui về một bên. Thời **Cát Tường Thiên Nữ** (Śrī-mahā-devī) cũng đến chỗ Phật ngự, cúi đầu làm lễ dưới chân Đức Phật , nhiễu quanh Đức Phật vô lượng trăm ngàn vòng, làm lễ tất cả Bồ Tát có mặt ở Thế Giới Cực Lạc rồi lui về một bên.

Khi ấy Đức Thế Tôn thấy Cát Tường Thiên Nữ có vô lượng trăm ngàn phước trang nghiêm, được câu đê Như Lai vây quanh, tất cả **Thích Phạm Hộ Thế** (Śakra-brahma-lokapāla) đều tán dương xưng thán, nên dùng **Đại Phạm Âm** (Mahā-brahma-svara) bảo Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: "Quán Tự Tại Bồ Tát! Nếu có **Quốc Vương** (Rāja), **Vương Tử** (Rāja-matra), **Tỳ Kheo** (Bhikṣu), Tỳ Kheo Ni (Bhikṣuṇi), **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka), **Ưu Bà Di** (Upāsika), Bà La Môn (Brāhmaṇa), **Sát Lợi** (Kṣatriya), **Tỳ Xá** (Vaiśya), **Thủ Đà** (Śūdra) thọ trì **Đại Cát Tường Thiên Nữ 12 Khế 108 Danh Vô Cấu Tán Thán** (Śriyā-mahā-devyā-aṣtottaraṃ-śataṃ-vimala-prakhyaṃ-nāma-stotraṃ) thì Quốc Giới Sát Lợi của Vị Vua ấy có bao nhiêu chúng sinh, ắt tất cả sự sợ hãi bức não đều được tiêu trừ . Tất cả oán tặc, người, phi nhân đáng sợ cũng chẳng dám làm hại. Tất cả tài cốc đều được dư đầy. Cát Tường Thiên Nữ thường chọn nhà cửa trong đất nước của vị Vua ấy làm nơi cư ngụ"

Thời vị Bồ Tát ấy nói rằng: "Lành thay! Lành thay! Thế Tôn khéo nói lời này. Nếu có ai trì Danh Hiệu CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ (Śriyā-mahā-devyā) thì người đó được phước lợi như vậy"

Lúc đó Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát (**Abhaya-avalokiteśvara-**bodhisatvāya mahā-satvāya) liền bạch với Đức Phật rằng: "Thế Tôn ! Cát Tường Thiên Nữ từng gieo trồng căn lành ở nơi nào?"

"Này Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát ! Ta nhớ về thời quá khứ, ở Thế Giới **Bảo Sinh** (Ratna-saṃbhava) có Đức **Bảo Hoa Công Đức Hải Phệ Lưu Ly Kim Sơn Kim Quang Minh Cát Tường** Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri (**Ratna-kusuma-guṇa-sāgara-vaiḍurya-kanaka-giri-suvarṇa-kaṃcana-prabhāsa-śriye**-tathāgatāya-arhate-samyaksaṃbuddhāya) xuất hiện ở đời, Cát Tường Thiên Nữ đã gieo trồng căn lành nơi Đức Phật ấy với nhiều nơi của các Như Lai khác. Do xưng danh hiệu Như Lai

như vậy, Cát Tường Thiên Nữ đã được thành tựu căn lành. Các Đức Như Lai này thường tùy theo việc làm khiến cho Cát Tường Thiên Nữ tác thành tựu căn lành. Các Đức Như Lai này lại thường tùy theo việc làm khiến cho Cát Tường Thiên Nữ hay trừ tất cả tội, trừ diệt tất cả phiền não làm cho thân được vô cấu (không nhơ bẩn) triệu tập tăng ích tất cả tài cốc (Tiền bạc và lúa gạo) hay trừ bỏ sự nghèo túng. Hay nhiếp triệu tất cả hàng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Càn sát Bà** (Gandharva), **A Tu La** (Asura), **Ca Lâu La** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kiṃnara), **Ma Hầu La Già** (Mahoraga). Hay ngưng tất cả sự bức não, tranh giành, chiến đấu. Hay thành biện **6 Ba La Mật** (saṭ-pāramitā).

Các Đức Như Lai ấy là:

Nam mô CÁT TƯỜNG MẬT Như Lai (Namaḥ Śrī-ghanāya-tathāgatāya)

Nam mô BẢO HOA CÔNG ĐỨC HẢI PHỆ LƯU LY KIM SƠN KIM QUANG MINH CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Ratna-kusuma-guṇa-sāgara-vaiḍurya-kanaka-giri-suvarṇa-kaṃcana-prabhāsa-śriye -tathāgatāya)

Nam mô HẰNG HÀ NHẤT THIẾT TÂN (Nước miếng) KHẨU CÁT TƯỜNG CÁT KHÁNH CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Gaṅgā-sarva-tīrtha-mukha-maṅgala-śriye-tathāgatāya)

Nam mô CHIÊN ĐÀN HOA UY ĐỨC TINH QUANG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Candana-kusuma-tejo-nakṣatra-prabhāsa-śriye -tathāgatāya)

Nam mô PHỔ BIẾN CHIẾU DIỆU THẮNG ĐẤU CHIẾN CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Samantāvabhāsa-vijita-saṃgrāma-śriye-tathāgatāya)

Nam mô CÔNG ĐỨC HẢI CHIẾU DIỆU MAN TRÀ LA CÁT TƯỜNG Như Lai (Namah Guna-samudràvabhàsa-mandala-‘sriye-tathàgatàya)

Nam mô PHÁP THẦN THÔNG TRÀNG TIẾN CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Dharma-vikurvaṇa-dhvaja-vega-śriye-tathāgatāya)

Nam mô DIỆU TỊCH TĨNH HƯƠNG CHIẾU DIỆU CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Jyotiḥ-saumya-gandhāvabhāsa-śriye-tathāgatāya)

Nam mô CHÚNG SINH Ý LẠC TỊCH TĨNH THÂN CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Sattvāśaya-śamana-śarīra-śriye-tathāgatāya)

Nam mô NGUYỆN HẢI QUANG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Praṇidhāna-sāgarāvabhāsa-śriye-tathāgatāya)

Nam mô DIỆU BIẾN XƯNG THÁN DANH HIỆU CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ –Suparikīrtita-nāmadheya-śriye-tathāgatāya)

Nam mô BẤT THOÁI CHUYỂN LUÂN BẢO XỨ CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Avaivartika-cakra-ratnākara-śriye-tathāgatāya)

Nam mô NHẬT LUÂN CHIẾU DIỆU DŨNG KHỞI CÁT TƯỜNG Như Lai (?Namaḥ Aprameya-suvatṇotta-prabhāsa-śriye-tathāgatāya)

Nam mô VÔ SỐ TINH TIẾN DIỆU TRỤ CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Asaṃkhyeya-vīrya-susaṃpraṣṭhita-śriye-tathāgatāya)

Nam mô VÔ LƯỢNG THIỆN TRỤ CÁT TƯỜNG Như Lai (?Namaḥ Amita-supratiṣṭha-śriye-tathāgatāya)

Nam mô ÂM THANH CHI PHẦN CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Sarva-svarāṅgaruta-nirghoṣa-śriye-tathāgatāya)

Nam mô BÁT NHÃ ĐĂNG VÔ SỐ QUANG TRÀNG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Prajñā-pradīpa-saṃkhyeya-prabhā-ketu-śriye-tathāgatāya)

Nam mô NA LA DIÊN CẤM GIỚI GIÁP TRỤ CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Nārāyaṇa-vratasannāha-sumeru-śriye-tathāgatāya)

Nam mô PHẠM CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Brahma-śriye-tathāgatāya)

Nam mô MA HÊ THỦ LA CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Maheśvara-śriye-tathāgatāya)

Nam mô NHẬT NGUYỆT CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Candra-sūrya-śriye - tathāgatāya)

Nam mô THẬM THÂM PHÁP QUANG VƯƠNG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Gaṃbhīra-dharma-prabhā-rāja-śriye-tathāgatāya)

Nam mô HƯ KHÔNG ĐĂNG HIỆN HỶ CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Gagana-pradīpābhirāma-śriye-tathāgatāya)

Nam mô NHẬT QUANG TRÀNG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Sūrya-prabhā-ketu-śriye-tathāgatāya)

Nam mô HƯƠNG ĐĂNG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Gandha-pradīpa-śriye-tathāgatāya)

Nam mô HẢI TẠNG SINH CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Sāgara-garbha-saṃbhava-śriye-tathāgatāya)

Nam mô BIẾN HÓA VÂN DIỆU THANH CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Nirmita-megha-garjanayaśaḥ-śriye-tathāgatāya)

Nam mô NHẤT THIẾT CHIẾU DIỆU TRANG NGHIÊM CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Sarva-dharma-prabhāsa-vyūha-śriye-tathāgatāya)

Nam mô THỌ VƯƠNG TĂNG TRƯỞNG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Druma-rāja-vivardhita-śriye-tathāgatāya)

Nam mô BẢO DIỆM SƠN VƯƠNG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Ratnārciḥ-parvata-śriye-tathāgatāya)

Nam mô TRÍ DIỆM HẢI CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Jñānārciḥ-sāgara-śriye-tathāgatāya)

Nam mô ĐẠI NGUYỆN TINH TIẾN CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Mahā-praṇidhivega-śriye-tathāgatāya)

Nam mô ĐẠI VÂN CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Mahā-megha-śriye-tathāgatāya)

Nam mô KIM TRÀNG VƯƠNG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Suvarṇa-ketu-rāja-śriye-tathāgatāya)

Nam mô ĐẾ TRÀNG PHAN VƯƠNG CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Indra-ketu-dhvaja-rāja-śriye-tathāgatāya)

Nam mô CÂU TRIỆU NHẤT THIẾT TÀI CỐC CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Sarva-dhana-dhānyākarṣaṇa-śriye-tathāgatāya)

Nam mô CÂU TRIỆU TỊCH TĨNH CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Saumyākarṣaṇa-śriye-tathāgatāya)

Nam mô CÂU TRIỆU CÁT KHÁNH CÁT TƯỜNG Như Lai (Namaḥ Lakṣmyākarṣaṇa-śriye-tathāgatāya)

Danh Hiệu Như Lai như vậy. Nếu có người cung kính thọ trì đọc tụng thì kẻ trai lành người nữ thiện ấy được phát sinh nhóm phước rất nhiều. Tất cả Như Lai thọ ký cho Đại Cát Tường Thiên Nữ là: "Ngươi sẽ ở Thế Giới **Cát Tường Bảo Trang Nghiêm (**'Srì-mahà-ratna-pratimanditàyàm) thành Đẳng Chính Giác có hiệu là **Cát Tường Ma Ni Bảo Sinh** Như Lai Ứng Cúng Chính Biến Tri (ŚRĪ-MAṆI-RATNA-SAṂBHAVA-Tathāgatāyārhate samyaksaṃbuddhāya). Thế Giới đó có mọi loại báu Trời dùng để trang nghiêm. Tuy vị Như Lai này ở Thế Giới đó tác hào quang nhưng chúng Bồ Tát ở trong Thế Giới đó tự nhiên có hào quang, sống lâu vô lượng. Từ hư không diễn ra âm thanh về Phật, Pháp, Tăng… bao nhiêu Bồ Tát sinh ở Thế Giới đó thảy đều do Đài hoa sen hóa sinh.

Thế nào là **12 Khế 108 Danh Vô Cấu Tán Thán**? Này Vô Úy Quán Tự Tại! Nay ông hãy lắng nghe. Đó là:

1) **Nhất Thiết Như Lai Sở Quán Đỉnh** (Sarva-tathāgatābhikṣitā)
2) **Nhất Thiết Như Lai Mẫu** (Sarva-tathāgata-mātā)
3) **Nhất Thiết Thiên Mẫu** (Sarva-devatà-màtà)
4) **Nhất Thiết Như Lai Cát Tường** (Sarva-tathāgata-śrīḥ)
5) **Nhất Thiết Bồ Tát Cát Tường** (Sarva-bodhisattva-śrīḥ)
6) **Nhất Thiết Hiền Thánh Thanh Văn Duyên Giác Cát Tường** (Sarvārya-śrāvaka-pratyekabuddha- śrīḥ)
7) **Phạm Tỳ Nữu Ma Hê Thủ La Cát Tường** (Brahma-viṣṇu-maheśvara-śrīḥ)
8) **Nhất Thiết Thiên Thượng Thủ Cát Tường**(Sarva-devatābhimukha-śrīḥ)
9) **Nhất Thiết Xứ Đáo Cát Tường** (?Mahā-sthāna-gata-śrīḥ)
10) **Nhất Thiết Thiên, Long, Dược Xoa, La Sát, Càn sát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già Cát Tường** (Sarva-deva-nāga-yakṣa-gandharvāsura-garuḍa-kiṃnara-mahoraga-śrīḥ)
11) **Nhất Thiết Trì Kim Cương Thủ Trì Kim Cương Cát Tường** (Sarva-vidyā-dhāra-vajrapāṇi-vajradhāra- śrīḥ)
12) **Tứ Thiên Vương Hộ Thế Cát Tường** (Catuḥ-pañca-lokapāla- śrīḥ)
13) **Bát Diệu, Nhị Thập Bát Tú Cát Tường** (Aṣṭa-grahāṣṭaviṃśati-nakṣatra-śrīḥ)
14) **Án sa nĩ đát lị** (Oṃ_ sāvitrī)
15) **Đà đát lị ma đa** (Dhātrī mātā)
16) **Tứ Minh Cát Tường** (Catur-veda-śrīḥ
17) **Cát Tường Quỷ Mẫu** (Lakṣmiḥ-bhūta-mātā)
18) **Thắng** (Jayā)
19) **Tối Thắng** (Vijayā)
20) **Hằng Hà** (Gaṅgā)
21) **Nhất Thiết Tân** (Nước miếng) [Sarva-tīrthā]
22) **Nhất Thiết Cát Khánh** (Sarva-maṅgalyā)
23) **Vô Cấu Cát Tường** (Vimala-nirmala-kara-śrīḥ)
24) **Nhất Thiết Trừ Tội** (Sarva-pāpa pahantrī)
25) **Vô Dật** (Nirmadakarā)
26) **Nguyệt Cát Tường** (Candra- śrīḥ)
27) **Nhật Cát Tường** (Sūrya- śrīḥ)
28) **Nhất Thiết Diệu Cát Tường** (Sarva-graha- śrīḥ)
29) **Thừa** (Ngự cỡi) **Sư Tử** (Siṃha-vahinī)
30) **Bách Thiên Câu Đê Tần Bà La Liên Hoa Trang Nghiêm** (Śata-sahasra-koṭi-padma-vivarasaṃ-cchannā)
31) **Liên Hoa** (Padmā)
32) **Đại Liên Hoa** (Mahā-padmā ?Padma-saṃbhavā:Liên Hoa Sinh)
33) **Liên Hoa Tòa** (Padmāsana)
34) **Liên Hoa Tạng** (Padmālaya)
35) **Trì Liên Hoa** (Padma-dhāra)
36) **Cụ Liên Hoa** (Padmā-vatī)
37) **Vô Thượng Bảo Quang Minh** (Aneka-ratnāṃ-śumālā)
38) **Thí Tài** (Dhanadā)
39) **Bạch** (Màu trắng) [Śvetā]
40) **Đại Bạch** (Mahā-śvetā)
41) **Bạch Tý** (Cánh tay màu trắng) [Śveta-bhujā]

42) **Trì Nhất Thiết Cát Khánh** (Sarva-maṅgala-dhāriṇī)
43) **Trang Nghiêm Nhất Thiết Phước Thân** (Sarva-puṇyopacitāṅgī)
44) **Điều Nhu Giả** (Dākṣāyanī)
45) **Bách Thiên Tý** (Śata-sahasra-bhujā)
46) **Bách Thiên Nhãn** (Śata-sahasra-nayanā)
47) **Bách Thiên Đầu** (Śata-sahasra-śirṣā)
48) **Trì Chủng Chủng Gián Thác Ma Ni Quan** (Cái mão)[Vividha-vicitra-maṇi-mauli-dharā]
49) **Diệu Sắc** (Surūpā)
50) **Chủng Chủng Sắc** (Viśva-rūpā)
51) **Danh Xưng** (Yaśā)
52) **Cực Danh Xưng** (Mahā-yaśā)
53) **Tịch Tĩnh** (Saumyā)
54) **Nhị Mẫu Đa** (Bahujīmūtā)
55) **Thanh Tĩnh Phát** (Mái tóc) [Pavitrakeśā]
56) **Nguyệt Quang** (Candra-kāntā)
57) **Nhật Quang** (Sūrya-kāntā)
58) **Tác Đoan Nghiêm** (Śubha-kartrī)
59) **Nhất Thiết Hữu Tình Đối Diện Cát Tường** (Sarva-sattvābhimukhì-śrīḥ)
60) **Thánh Giả** (Ārya)
61) **Y Hoa** (Kusuma- śrīḥ)
62) **Hoa Tự Tại** (Kusume'svarà)
63) **Nhất Thiết Tu Di Sơn Vương Cát Tường** (Sarva-sumeru-parvata-rāja- śrīḥ)
64) **Nhất Thiết Giang Hà Cát Tường** (Sarva-nadī-sarī-cchrīḥ)
65) **Nhất Thiết Hải Thủy Cát Tường** (Sarva-toya-samudra-'srìh)
66) **Nhất Thiết Tân Khẩu Cát Tường** (Sarva-tīrthābhimukha- śrīḥ)
67) **Nhất Thiết Dược Thảo Thọ Tài Cốc Cát Tường** (Sarva-Uṣadhi-tṛṇa-vana-spati-dhana-dhānya- śrīḥ)
68) **Thí Kim** (Hiraṇyadā)
69) **Thí Ẩm Thực** (Annapānadā)
70) **Sắc Thanh Tĩnh Thân** (?Prabhāsvarā)
71) **Sắc Giả** (Người có hình sắc tốt đẹp) [?Āloka-karā Pavitrāṅgā]
72) **Nhất Thiết Như Lai Tự Tại Giả** (Sarva-tathāgata-vaśavartinī)
73) **Nhất Thiết Thiên Chúng Đối Diện Cát Tường** (Sarva-devagaṇa-mukha-śrīḥ)
74) **Diễm Ma, Thủy Thiên, Câu Vĩ La, Phộc Sa Phộc, Thượng Thủ Cát Tường** (Yama-varuṇa-kuberāàvāsava- śrīḥ)
75) **Dữ Giả** (Người ban bố) [Dātrī]
76) **Thực Giả** (Người có đầy đủ thức ăn uống) [Bhoktrī]
77) **Uy Quang** (Tejā)
78) **Cụ Uy Quang** (Tejo-vatī)
79) **Phong Nhiêu** (Vibhūtīḥ)
80) **Vinh Thịnh** (Samṛddhiḥ)
81) **Tăng Trưởng** (Vivṛddhiḥ)
82) **Cao Thiên** (Dời đổi) [Unnatiḥ]
83) **Pháp Cát Tường** (Dharma- śrīḥ)
84) **Y Quyền** (Mādhavāśrayā)
85) **Câu Mâu Đà Tạng** (Kusumanilayā)

86) **Từ Bi Giả** (?Anasūyā)
87) **Y Trượng Phu Thân** (Puruṣa-kārāśrayā)
88) **Nhất Thiết Thanh Tĩnh Cát Khánh Thủ** (Bàn tay) [Sarva-pavitragātrā-maṅgala-hastā]
89) **Trừ Nhất Thiết Bất Tường Giả** (Sarvālakṣmī-nāśayitrī)
90) **Câu Triệu Nhất Thiết Phước Cát Tường** (Sarva-puṇyākarṣaṇa- śrīḥ)
91) **Nhất Thiết Địa Vương Cát Tường** (Sarva-pṛthivī- śrīḥ -sarva-rāja- śrīḥ)
92) **Nhất Thiết Trì Minh Cát Tường** (Sarva-vidyā-dhara-rāja- śrīḥ)
93) **Nhất Thiết Ma, Dược Xoa, La Sát, Ngã Quỷ, Tỳ Xá Già, Cưu Bàn Trà, Ma Hầu La Già Cát Tường** (Sarva-bhūta-yakṣa-rākṣasa-preta-piśāca-kuṃbhaṇḍa-mahoraga- śrīḥ)
94) **Nhất Thiết Thiên Cung Chư Thiên Cát Tường** (Sarva-devapura-devānāṃ-śrīḥ)
95) **Nhất Thiết Niệm Tụng Hộ Ma Cát Tường** (Sarva-japa-homa- śrīḥ)
96) **Diệu Cực hỷ** (Pramoda)
97) **Phước Đức Du Hý** (Dyutiḥ-bhāgya-lolā)
98) **Nhất Thiết Thiên Thanh Tĩnh Cát Tường** (Sarva-ṛṣi-pavitra- śrīḥ)
99) **Nhất Thiết Cát Tường** (Sarva- śrīḥ)
100) **Nhất Thiết Cung Điện Tôn Thắng Cát Tường** (?Bhava-jyeṣṭhottama- śrīḥ)
101) **Nhất Thiết Khẩn Na La Cát Tường** (Sarva-kiṃnara- śrīḥ)
102) **Nhất Thiết Nhật Thắng Cát Tường** (Sarva-sūryottama- śrīḥ)
103) **Vô Tội Xứ Lưu Giả** (Niravadyasthanāvàsinī)
104) **Ý Lạc** (?Rūpavatī)
105) **Thích Duyệt** (Ưa Thích) [Subha-karī]
106) **Câu Vĩ La** (Kubera)
107) **Khánh Giả** (Kāntā)
108) **Pháp Vương Cát Tường** (Dharma-rāja- śrīḥ)

Chân Ngôn 108 Danh trên là :

_ Án , vi lô ca gia đa la gia (OṂ_ VILOKĀYA TRAYA)
_Mô giả gia tát phộc nậu khế tỳ dược (MOCAYA SARVA DUḤKHEBHYAḤ)
_ Tát phộc bổ ni gia (SARVA PUṆYA)
_ Tam bà la na ma mục xí câu lỗ sa-phộc hạ (SAMBHĀRA NAMA KUKṢI KURU SVĀHĀ)
_ Án, nghĩ nga, tát phộc để lật-tha mục xí, sa-phộc ha (OṂ_ GAḤ GA_ SARVA ARTHA KUKṢI- SVĀHĀ)
_ Án, sa vĩ đát lị, sa-phộc ha (OṂ_ SAVIḌURI_ SVĀHĀ)
_ Tát phộc mãng nga la đà lị ni, sa-phộc ha (SARVA MAṂGALA DHĀRAṆĪ_ SVĀHĀ)
_ Già đốt-phệ na, tát phộc nhược yết-sa đát-la nghiệt-la nga noa địa mẫu lật-đế đới duệ, sa bà ha (CATURVEDA SARVA NAKṢATRA GRAHĀ GAṆA ADHIMUKTIYE _ SVĀHĀ)
_ Một-la hàm ma gia, sa-phộc ha (BRAHMĀYA _ SVĀHĀ)
_ Vĩ sắt-nỗ vĩ, sa-phộc ha (VIṢṆUVI_ SVĀHĀ)
_ Lỗ nại-la gia, sa-phộc ha (RUDRĀYA_ SVĀHĀ)
_ Vĩ thấp-phộc mục khư gia, sa-phộc ha (VIŚVA MUKHEYA_ SVĀHĀ)

1) Án, khất-ly nễ, khất-ly nễ (OṂ_ ŚRĪṆI ŚRĪṆI)
2) Tát phộc ca lị-gia (SARVA KĀRYA)
3) Tăng sa đạt nễ (SAṂSĀDHANI)
4) Tất nễ, tất nễ (SINI SINI)

5) Nễ nễ nễ nễ (NI NI NI NI)
6) A lạc khất sái nhĩ mê, na xá gia (ALAKṢMI NĀŚAYA)
7) A phộc ha nê vĩ (AVĀKA DEVI)
8) Thất-lị vi thất la mạt noa gia (ŚRĪ VAIŚRAVAṆĀYA)
9) Sa-phộc ha (SVĀHĀ)

_ Tát phộc bố-ni gia yết lị sắt ni, sa-phộc ha (SARVA PUṆYA GṚṢṆI_ SVĀHĀ)

_ Thất lị nê phộc đa, yết lị sắt ni, sa-phộc ha (ŚRĪ DEVATĀ GṚṢṆI_ SVĀHĀ)

_ Tát phộc lạc khất sắt nễ (SARVA LAKṢMI)

_ Bát-la xa mạt ni, sa-phộc ha (PRAŚAMANI_ SVĀHĀ)

_ Tát phộc đát nễ nghiệt đa vĩ sắt yết tha duệ, sa-phộc ha (SARVA TATHĀGATA VIŚIṢṬAYE_ SVĀHĀ)

_ Tát phộc nê mạt đa bát-la mục khư thất-lị duệ, sa-phộc ha (SARVA DEVATĀ PRAMUKHE ŚRĪYE_ SVĀHĀ)

_ A dục ma la mạt-lị noa ca la duệ, sa-phộc ha (ĀYUḤ MĀLĀ VARṆA KĀRĀYE_ SVĀHĀ)

_ Tát phộc ba vĩ đát la mãng tát la ha tát đa duệ, sa-phộc ha (SARVA PAVITRA MAṂGALA HASTAYE_ SVĀHĀ)

_ Tăng chất phộc tứ nễ duệ, sa-phộc ha (ŚĀNTI VĀSINIYE _ SVĀHĀ)

_ Bá ná tam bộ đa, sa-phộc ha (PADMA SAMBHŪTA_ SVĀHĀ)

_ Phộc ha tát phộc cát lị đà ca khu lật ná vĩ ná thi ni duệ, sa-phộc ha (VAHA SARVA HṚDAYA KALANA VINAŚANIYE_ SVĀHĀ)

Này Vô Úy Quán Tự Tại Bồ Tát! Đại Cát Tường Chân Ngôn này và dùng 108 Danh Hiệu hay trừ tất cả phiền não. Hay nghiền nát tất cả tội. Hay câu triệu tất cả Phước. Hay trừ tất cả điều chẳng lành. Hay câu triệu tất cả phước đức.

Nếu có người thọ trì, đọc tụng và xưng danh hiệu các Như Lai thì người đó vào buổi sáng sớm ở trước tất cả Phật đốt hương, dâng hoa cúng dường. Vì Cát Tường Thiên Nữ thiêu đốt Đàn Hương, nên đọc Kinh này ắt chẳng bao lâu người ấy đắc được tất cả điều tốt lành, tất cả sự an vui thích ý, được tất cả chư Thiên ủng hộ và được thành tựu tất cả sự nghiệp”

Đức Phật nói Kinh nay xong thì Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, Đại Cát Tường Thiên Nữ, tất cả Đại Chúng nghe lời Đức Phật dạy thảy đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành

Trời, Rồng, Dược Xoa, A Tu La...
Đến nghe Pháp báu nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
Bao nhiêu Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm Từ
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở
Nguyện các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thảy tiêu trừ
Mau lìa các Khổ về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để nghiêm thân
Hoa Bồ Đề Diệu Trang Nghiêm khắp

Tùy theo chỗ ở thường an lạc

PHẬT THUYẾT ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ
12 KHẾ 108 DANH VÔ CẤU ĐẠI THỪA KINH
(Hết)

Chân Ngôn này y theo Bản đời Minh và có đối chiếu với Bản của đời Tống, Nguyên. Cf.P.254 c

1)Án (OṂ)
2) Đát nễ dã tha: Án, vĩ lộ ca đá la dã (TADYATHĀ: OṂ_ VILOKA TRAYA)
3) Mô giả dã (MOCAYA)
4) Tát phộc nậu khế tỳ dược (SARVA DUḤKHEBHYAḤ)
5) Tát phộc bổ ni dã (SARVA PUṆYA)
6) Thậm bà la nẵng ma (SAMBHARA NAMA)
7) Mục khế củ lỗ, sa phộc ha (MUKHE KURU_ SVĀHĀ)
8) Án (OṂ)
9) Nghĩ nga (GAḤ GA)
10) Tát phộc để lật đà (SARVA ARTHA)
11) Mục xí,sa phộc ha (KUKṢI_ SVĀHĀ)
12) Án (OṂ)
13) Sa vĩ để-lị, sa phộc ha (SAVIḌURI_ SVĀHĀ)
14) Tát phộc mộng nga la (SARVA MAṂGALA)
15) Đà lị nê, sa phộc ha (DHĀRIṆI_ SVĀHĀ)
16) Giả đốt phệ ná (CATURVEDA)
17) Tát phộc nhược khất-xoa đát-la (SARVA NAKṢATRA)
18) Nghiệt-la ha nga noa địa mô đới duệ, sa phộc ha (GRAHĀ GANA ADHIMUKTIYE_ SVĀHĀ)
19) Một-la hật-ma dã, sa phộc ha (BRAHMĀYA_ SVĀHĀ)
20) Vĩ sắt-nỗ phệ, sa phộc ha (VIṢṆUVI_ SVĀHĀ)
21) Lỗ nại-la dã, sa phộc ha (RŪDRĀYA_ SVÀHÀ)
22) Vĩ thấp-phộc mục khư dã, sa phộc ha (VIŚVA MUKHEYA_ SVĀHĀ)
23) Án (OṂ)
24) Nghĩ-lý ni, nghĩ-lý ni (ŚRĪṆI ŚRĪṆI)
25) Tát phộc ca lị dã tăng sa đà ninh (SARVA KĀRYA SAṂSĀDHANI)
26) Tư ninh, tư ninh (SINI SINI)
27) Ninh ninh ninh ninh (NI NI NI NI)
28) A la khất-sử nhĩ , nẵng xả dã (ALAKṢMI NĀŚAYA)
29) A phộc ha nê vĩ thất-lợi (AVAHA DEVI ŚRĪ)
30) Phệ thất-la ma noa dã, sa phộc ha (VAIŚRAVAṆĀYA_ SVÀHÀ)
31) Tô miệt noa đà nẵng (SURVAṆA DHANA)
32) Đà ninh-dạ yết lệ ni, sa-phôc ha (DHĀNYA GṚṢNI_ SVĀHĀ)
33) Tát phộc bổ ni-dạ yết lị ni, sa-phộc ha (SARVA PUṆYA GṚṢṆI_ SVĀHĀ)
34) Thất-lị nê phộc đá, yết lị ni, sa-phộc ha (ŚRĪ DEVA GṚṢṆI_ SVĀHĀ)
35) Tát phộc bá bả (SARVA PĀPA)
36) Nẵng xả ninh, tát phộc ha (NĀŚANI_ SVĀHĀ)
37) Tát phộc la khất-sử nhĩ (SARVA LAKṢMI)
38) Bát-la xả ma ninh, sa phộc ha (PRAŚAMANI_ SVĀHĀ)
39) Tát phộc đát đà nga đá vĩ sắc đá duệ, sa phộc ha (SARVA TATHĀGATA VIŚIṢṬAYE_ SVĀHĀ)

40) Tát phộc nê phộc đá vĩ sắc đá duệ, tát phộc ha (SARVA DEVATĀ VIŚIṢṬAYE_ SVĀHĀ)
41) Tát phộc nê phộc đá bát-la mục khư (SARVA DEVATĀ PRAMUKHE)
42) Thất-lị duệ, sa phộc ha (ŚRĪYE_ SVĀHĀ)
43) A dục ma la (ĀYUḤ MĀLĀ)
44) Miệt noa ca la duệ, sa phộc ha (VARṆA KĀRĀYE_ SVĀHĀ)
45) Tát phộc bả vĩ đát la (SARVA PAVITRA)
46) Mộng nga la ha sa-đá duệ, sa-phộc ha (MAṂGALA HASTAYE_ SVĀHĀ)
47) Tăng ha phộc tứ nại duệ, sa-phộc ha (SIṂHA VĀSINIYE _ SVĀHĀ)
48) Bá nạp-ma tam bộ đá duệ, sa-phộc ha (PADMA SAMBHŪTAYE_ SVĀHĀ)
49) Tát phộc ngột-lị đinh dã (SARVA HṚDAYA)
50) Ca khuất ná (KALANA)
51) Vĩ nẵng thí nại duệ, sa-phộc ha (VINAŚANIYE_ SVĀHĀ)

[Bản Phạn của **N.Dutt.Gilgit Manuscript** ghi nhận bài Chú trên là:
Oṃ vilokaya tāraya mocaya mama sarvaduḥkhebhyaḥ sarvapuṇyasambhārānāmukhīkuru svāhā
Oṃ gaṅgādisarvatīrthānyāmuikhīkuru svāhā
Oṃ sāvitryai svāhā
Sarvamaṅgaladhāriṇyai svāhā
Caturvedanakṣatragrahagaṇādimūrtyai svāhā
Brahmaṇe svāhā
Viṣṇave svāhā
Rudrāya svāhā
Viśvamukhāya svāhā
Oṃ nigrigrini sarvakāryasādhani sini sini āvāhayāmi devi śrīvaiśravaṇāya svāhā
Suvarṇadhanadhānyākarṣaṇyai svāhā
Sarvapuṇyākarṣaṇyai svāhā
Śrīdevatākarṣaṇyai svāhā
Sarvapāpanāśanyai svāhā
Sarvālakṣmīpraśamanyai svāhā
Sarvatathāgatābhiṣiktāyai svāhā
Sarvadevatābhimukhaśriye svāhā
Āyurbalavarṇakarāyai svāhā
Sarvapavitramaṅgalahastāyai svāhā
Siṃhavāhinyai svāhā
Padmasaṃbhūtāyai svāhā
Sarvakṛtyakākhordavināśanyai svāhā]

CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ NHẤT BÁT BÁCH DANH ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạn Văn: HUYỀN THANH


OṂ: Tam Thân quy mệnh

VILOKAYA TRĀYAMOCAYA: Quán chiếu quả của 3 Thừa

SARVA DUḤKHEBHYAḤ SARVA PUṆYA SAMBHARA: Tất cả nhóm khổ não được chân chính chuyên chở thành tất cả Phước Đức

NĀMA MUKHE KURU SVĀHĀ: Tạo tác Danh Môn quyết định thành tựu

OṂ: Quy mệnh

GAḤ GA: Chủng tử

SARVA ARTHA KUKṢI SVĀHĀ: Tất cả của cải giàu có quyết định thành tựu

SARVA SAVIḌURI SVĀHĀ: Tất cả sự thông minh khéo léo quyết định thành tựu

SARVA MAṂGALA DHĀRAṆĪ SVĀHĀ: Tất cả Đà La Ni Cát Khánh (vui mừng an lạc) quyết định thành tựu

CATURVEDA SARVA NAKṢATRĀ GRAHÀ GAṆA ADHIMUKTIYE SVĀHĀ: Tín Giải 4 Phệ Đa , tất cả Tinh Tú, Chấp Diệu quyết định thành tựu

BRAHMĀYA SVĀHĀ: Phạm Thiên Đẳng viên mãn cát tường

VIṢṆUVI SVĀHĀ: Tỳ Lữu Thiên Phi, viên mãn cát tường

RUDRĀYA SVĀHĀ: Tự Tại Thiên đẳng, viên mãn cát tường

VIŚVA MUKHE SVĀHĀ: Xảo Diệu Môn Đẳng, viên mãn cát tường

OṂ : Tam Thân Quy Mệnh

ŚRĪṆI : Cát Tường Nữ

ŚRĪṆI SARVA KĀRYA SĀDHANI: Tất cả Nghi Thức hành động của Cát Tường Nữ

SINI SINI: Nhỏ nhiệm, nhỏ nhiệm

NI NI NI NI: Chuyển động thay đổi, chuyển động thay đổi

ALAKṢMI NĀŚAYA: Trừ bỏ sự chẳng tốt lành chẳng an vui

AVĀKADEVI ŚRĪ: Nam phương Thiên Nữ Cát Tường

VAIŚRAVAṆĀYA SVĀHĀ: Tỳ Sa Môn Thiên đẳng, viên mãn cát tường

SUVARṆA DHANĀDANYA GṚṢṬI SVĀHĀ: Thí Kim Tài Thực Thần Mẫu, viên mãn cát tường

SARVA PUṆYA GṚṢṬI SVĀHĀ: Nhất Thiết Phước Đức Thần Mẫu, viên mãn cát tường

ŚRĪ DEVATĀ GṚṢṬI SVĀHĀ: Cát Tường Thiên Thần Mẫu Cát Tường

SARVA PĀPA NĀŚANI SVĀHĀ: Trừ bỏ tất cả tội lỗi quyết định thành tựu

SARVA ALAKṢMI PRŚAMANI SVĀHĀ: Tiêu diệt tất cả điều chẳng tốt lành, quyết định thành tựu

SARVA TATHĀGATA VIŚIṢṬĀYE SVĀHĀ: Nhất thiết Như Lai tối diệu đẳng, viên mãn cát tường

SARVA DEVATĀ VIŚIṢṬĀYE SVĀHĀ: Nhất thiết Thiên Thần tối diệu đẳng, viên mãn cát tường

SARVA DEVATĀ PRAMUKHE ŚRĪYE SVĀHĀ: Nhất Thiết Thiên Thần Thắng Môn Cát Tường, quyết định thành tựu

ĀYUḤ MĀLĀ VARṆA KĀRĀYE SVĀHĀ: Tạo tác hình sắc tràng hoa Thọ Mệnh, quyết định thành tựu

SARVA PAVITRA MAṂGALA HASTAYE SVĀHĀ: Nhất thiết chủng chủng cát khánh Thủ, viên mãn cát tường.

SIṂHA VĀSINĪYE SVĀHĀ: Sư Tử tự tại, viên mãn thành tựu

PADMA SAMBHŪTĀYE SVĀHĀ: Liên Hoa Đồ Chúng, viên mãn cát tường

SARVA HṚDAYA KALANA VINAŚANIYE SVĀHĀ: Cứu tế sự hám lợi tham lam của tất cả Tâm, viên mãn Cát Tường

Hiệu chỉnh xong vào ngày 15/07/2013

Mật Tạng Bộ 4_ No.1381 (Tr.903_ Tr.904)

PHẬT NÓI KINH ĐẠI CÁT TƯỜNG ĐÀ LA NI

Hán dịch: Minh Giáo Đại Sư PHÁP HIỀN
Việt dịch: HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngự tại cõi Phật **Tô Kha Phộc Đế** (Sukha-vatī: Đại Lạc, Cực Lạc) cùng với chúng Đại Bồ Tát và chúng **Bộ Đa** (Bhūta) đến dự.

Bấy giờ **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisatva) đi đến nơi Phật ngự, cúi đầu đỉnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi về một bên. Lại có Bồ Tát Ma Ha Tát tên là **Đại Cát Tường** (Mahā-śrī-bodhisatva) cũng đến nơi Phật ngự , nhiễu quanh 3 vòng, cúi đầu đỉnh lễ dưới chân Phật rồi quay về ngồi một bên.

Khi ấy Đức Thế Tôn nhìn thấy Đại Cát Tường Bồ Tát, liền bảo Quán Tự Tại Bồ Tát rằng: "Vị Đại Cát Tường Bồ Tát này có Đà La Ni. Nếu trong đời uế ác của cõi Diêm Phù Đề có Tỳ Khưu, Tỳ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di... thấy nghe, tùy vui tán tụng, thọ trì, tín giải Pháp này. Suy nghĩ, nghe nhớ thì kẻ nghèo khổ ấy được đại phú quý cho đến khắp cả chúng Bộ Đa đều yêu thích. Công Đức như vậy chẳng thể nói đủ"

Thời Quán Tự Tại Bồ Tát nghe Đức Phật nói xong liền vui vẻ hớn hở , từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay bạch với Đức Phật rằng: "Thế Tôn! Nay con muốn nghe. Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con mà diễn nói".

Bấy giờ Đức Thế Tôn liền nói **Đại Cát Tường Đà La Ni** là:

1) **Đát nãnh tha** (TADYATHĀ)
2) **Lạc sất-di** (LAKṢMI)
3) **Thất-lị bát nại-di , phộc tứ ni** (ŚRĪ-PADME-VĀSINĪ)
4) **Đà nẵng đề bát đề** (DHANĀDHIPATI)
5) **Ngẫu lị** (GAURI)
6) **Ma hạ dã xá** (MAHĀ-YASA)
7) **Bát nại-ma nễ đát-lị** (PADMA-NETRE)
8) **Ma hạ nễ-dụ để** (MAHĀ-JYOTI)
9) **Án, Nẵng na duệ** (OṂ_DĀNĀYE)
10) **La đát-nẵng bát-la bà , ma hạ thất-lị** (RATNA-PRABHA-MAHĀ-ŚRĪ)
11) **Bà dạ thế na** (BHAYA SENA)
12) **Khất-lị nễ, khất-lị nễ** (ŚRĪṆI ŚRĪṆI)
13) **Tát lị-phộc hạt, ca lị-dã, thước di** (SARVATHĀ KĀRYA-SĀDHANI)
14) **Đề nễ, đề nễ** (SINI SINI)
15) **Tất tất tất tất** (NI NI NI NI)
16) **Nễ để, nễ để** (NĪTI NĪTI)
17) **Tứ nễ, tứ nễ** (ĪNI ĪNI)
18) **A lạc-xoa di** (ALAKṢMI)
19) **Di nẵng xá-dã** (NĀŚAYA)
20) **Tát phộc lạc-xoa di, di xoa nãnh na dã, sa ha** (SARVA LAKṢMI DEŚA DĀNĀYA_ SVĀHĀ)
21) **Nẵng mô tát lị-phộc một đà** (NAMO SARVA BUDDHA)
22) **Mạo đề tát đát-phệ tỳ-dã, sa hạ** (BODHISATVEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Khi Đức Thế Tôn nói Kinh ấy xong. Quán Tự Tại Bồ Tát , Đại Cát Tường Bồ Tát với chúng Bộ Đa nghe lời Đức Phật dạy đều rất vui mừng, tin nhận phụng hành.

PHẬT NÓI KINH ĐẠI CÁT TƯỜNG ĐÀ LA NI (Hết)

ĐẠI CÁT TƯỜNG THIÊN NỮ THẬP NHỊ DANH HIỆU ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạn Văn : HUYỀN THANH

TADYATHĀ: Như vậy, liền nói Chú là

OṂ: Tam Thân Quy mệnh

LAKṢMI: Cát Khánh

ŚRĪ PADME: Cát Tường Liên Hoa

VĀSINĪ : Nghiêm Sức

DHANĀDHIPATI: Cụ Tài

GAURI: Bạch Sắc

MAHĀ-YASA: Đại Danh Xưng (Đại Tinh Tiến)

PADMA NETRE: Liên Hoa Nhãn

MAHĀ-JYOTI: Đại Quang Diệu

DĀNĀYE: Bố Thí Giả

RATNA-PRABHA: Bảo Quang

MAHĀ-ŚRĪ: Đại Cát Tường

ABHAYA-SENA-ŚRĪṆI: Vô Úy Quân Cát Tường Nữ

ŚRĪṆI SARVA KĀRYA SĀDHANI: Tất cả nghi thức hành động của Cát Tường Nữ

SINI SINI: Nhỏ nhiệm, nhỏ nhiệm

NI NI NI NI: Chuyển động thay đổi, chuyển động thay đổi

NĪTI NĪTI: Hướng dẫn, dìu dắt

𑖂𑖡𑖰𑖂𑖡𑖰

ĪNI ĪNI: Năng lực, năng lực

𑖀𑖩𑖎𑖿𑖬𑖿𑖦𑖰 𑖡𑖯𑖫𑖧

ALAKṢMI NĀŚAYA : Trừ bỏ sự chẳng tốt lành chẳng an vui

𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖩𑖎𑖿𑖬𑖿𑖦𑖰 𑖟𑖸𑖫 𑖟𑖯𑖡𑖯𑖧 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

SARVA LAKṢMI DEŚA DĀNĀYA SVĀHĀ: Đem tất cả sự tốt lành an vui ban bố cho khắp mọi xứ sở, quyết định thành tựu

𑖡𑖦𑖺 𑖭𑖨𑖿𑖪 𑖤𑖲𑖟𑖿𑖠 𑖤𑖺𑖠𑖰𑖭𑖝𑖿𑖪𑖸𑖥𑖿𑖧𑖾 𑖭𑖿𑖪𑖯𑖮𑖯

NAMO SARVA BUDDHA BODHISATVEBHYAḤ SVĀHĀ: Quy mệnh nhất thiết Phật Bồ Tát Đẳng, viên mãn cát tường

02/06/2008

Mật Tạng Bộ 1_ (Tr.874_Tr.877)

CÔNG ĐỨC THIÊN PHÁP

(Một Quyển)

(Trích trong PHẬT THUYẾT ĐÀ LA NI TẠP TẬP KINH Quyển 10)

Hán Dịch: Đời Đường_ Nước Trung Thiên Trúc_Chùa Bồ Đề: Các Thầy **A Nan Luật Mộc Xoa, Ca Diếp** cùng với Pháp Sư **Cù Đa** của chùa Kinh Hành phiên dịch và lưu truyền.

Việt Dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

Lúc bấy giờ, Công Đức Thiên Bồ Tát bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Người hành Pháp này, con thường cung cấp các món cần dùng như áo quần ngọa cụ, các đồ ăn uống, thuốc thang .v.v… không có thiếu thốn. Ngày đêm thường vui vẻ suy nghĩ đến thần chú này, phát tâm Bồ đề. Nếu có chúng sinh ở nơi trăm ngàn Đức Phật, trồng các thiện căn, nghe được chú này, nên vì chúng sinh trong cõi Diêm Phù Đề, rộng nói kinh điển thâm diệu này khiến không đoạn mất. Nếu có chúng sinh nghe được chú này, trong đời vị lai vô lượng trăm ngàn na do tha kiếp, ở trong cõi Trời Người hưởng thọ khoái lạc, mau đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, các nỗi khổ trong ba đường đều dứt.

Bạch Thế Tôn! Con ở trong đời quá khứ nơi Đức Bảo Hoa Công Đức Hải Lưu Ly Kim Sơn Chiếu Minh Như Lai Ứng Chánh Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn trồng các căn lành. Do vậy ngày nay con tùy theo chúng sinh mà ban cho họ các điều khoái lạc hoặc y phục ẩm thực, các đồ dùng trong đời sống như vàng bạc, thất bảo, trân châu, lưu ly, san hô, hổ phách, ngọc ngà không thiếu thốn.

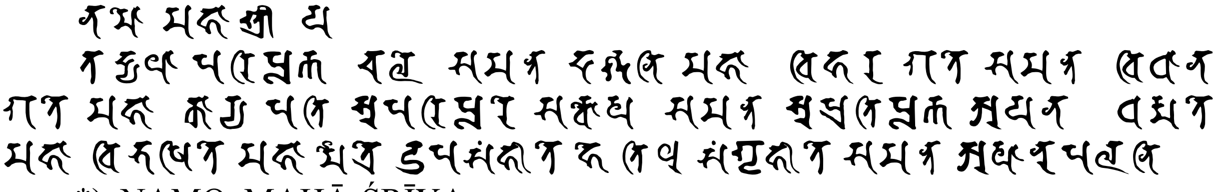
Nếu có chúng sinh hay tụng thần chú Kim Quang Minh vi diệu, vì con mà cúng dường chư Phật Thế Tôn, ba lần xưng tên con, thiêu hương cúng dường. Cúng dường Phật xong, sau đó dùng hương hoa các món mỹ vị mà cúng con, tán sái khắp nơi, nên biết người đó thu thập được các món tài bảo. Do nhân duyên này, tăng trưởng địa vị, hay khiến chư Thiên hoan hỷ. Chỗ trồng tỉa các loại hoa quả, ngũ cốc … Thọ Thần vui vẻ, xuất sanh vô lượng các vật. Thời con vì thương xót chúng sinh đó ban cho họ các thứ cần dùng.

Bạch Thế Tôn! Tỳ Sa Môn Thiên Vương ở phương Bắc có một thành tên là A Ni Mạn Đà, thành này có một vườn tên là Công Đức Hoa Quang, trong vườn này lại có một chỗ rất tối thắng tên là Kim Tràng đầy đủ bảy báu., đây là chỗ con ở. Nếu người muốn được tăng trưởng tài bảo, thì nơi chỗ ở sạch sẽ, tắm rửa, mặc áo trắng, dùng hương xoa thân, vì con chí tâm ba lần xưng danh Phật Bảo Hoa Lưu Ly Thế Tôn, lễ bái cúng dường, đốt hương rải hoa, lại ba lần xưng Kim Quang Minh Kinh, chí thành phát nguyện, lại dùng hương hoa các món ngon ngọt cúng dường, tán sái các chỗ. Đọc tụng Thần chú này và kết Đại Ấn gọi là Công Đức Thiên Đại Thần Ấn Chú.

Hai ngón vô danh câu nhau trong lòng bàn tay, hai ngón út đứng thẳng đầu cách nhau một phân, hai ngón giữa đứng thẳng đầu dựa nhau, hai ngón trỏ để trên lưng tiết thứ ba ngón giữa, hai ngón cái đứng thẳng đầu qua lại, chú rằng:

Nam mô thất lị, ma ha đề tỷ da, đát nễ dã tha, ba lị phú lâu na, giá lị tam mạn đà, đạt xá ni, ma ha tỳ ha ra dà đế, tam mạn đà, tỳ ni dà đế, ma ha ca lị dã, ba nễ, ba ra, ba nễ, tát lị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bát lê đế, phú lệ na, a lị na,

đạt ma đế, ma ha tỳ cổ tất đế, ma ha di lặc đế, lâu phả tăng kỳ đế, hê đế tỹ, tăng kỳ hê đế, tam mạn đà, a tha a nậu đà la ni.



*) NAMO MAHĀ-ŚRĪYA

TADYATHĀ: PARIPŪRṆA CALE, SAMANTA DARŚANI, MAHĀ-VIHARA-GATE, SAMANTA-VIDHĀNA-GATE, MAHĀ-KĀRYA-PATI, SUPARIPŪRE, SARVARTHĀ SAMANTA SUPRATI PŪRṆA, AYANA DHARMATE, MAHĀ-VIBHAṢITE, MAHĀ-MAITRE, UPASAṂHĪTE

HE ! TITHU, SAṂGṚHĪTE, SAMANTA ARTHA ANUPALANI

Chú này cầu tài vật nên không có Tóa Ha (SVĀHĀ).

1. Công Đức Thiên Hoa Thân Ấn.

Như Ấn trước, hai ngón trỏ đứng thẳng cách nhau 3 phân, hai ngón xoa nhau nhập trong lòng bàn tay, phải đè trái đầu hơi co, hai ngón út đầu vịn nhau, hai ngón cái đầu dựa nhau, mở cổ tay cách nhau 4 tấc.

Bà trí hô lô đa, bất lê đến na hô rô đa, ô tra cú hô rô đa, na vô hô rô đa, bất lê đế na hô lô đa, minh xa phó hô lô đa, tá ha.

2. Công Đức Thiên Kiết Giới Ấn.

Hai tay ngón út xoa nhau trong lòng bàn tay, hai ngón trỏ câu xoa bên ngoài phải đè trái, hai ngón giữa đứng thẳng đầu dính nhau, hai ngón vô danh vịn lưng hai ngón giữa tiết trên, hai ngón đầu hướng vào thân, dính đầu, mở cổ tay 3 tấc.

3. Công Đức Thiên Thí Trân Bảo Ấn.

Hai tay ngón giữa ngón vô danh xoa nhau trong lòng bàn tay, hai ngón út hướng ngoài xoa nhau phải đè trái, ngón trỏ phải hơi cong, ngón trỏ trái đứng thẳng, hai ngón cái co vào lòng bàn tay, chắp cổ tay lại, tụng Đại Thần Chú.

4. Công Đức Thiên Thí Nhất Thế Quỷ Thần Chủng Chủng Ẩm Thực Ấn.

Hai tay hai ngón giữa, vô danh xoa nhau trong lòng bàn tay, hai ngón út hướng ngoài xoa nhau phải đè trái, hai ngón trỏ đứng thẳng hướng lên trên cách nhau 2 tấc, hai ngón cái co trong lòng bàn tay, chắp cổ tay lại, tụng Đại Thần Chú.

5. Công Đức Thiên Hoa Tọa Ấn.

Tay phải ngón giữa, ngón út, vô danh hướng lên đứng thẳng, ngón út đầu cách ngón vô danh 1 phân rưỡi, ngón cái co trong lòng bàn tay, tay trái nắm tay phải năm ngón, ngón cái trái đè lên ngón cái phải, chắp cổ tay lại. Không có Chú.

6. Công Đức Thiên Hạ Thực Ấn.

Tay phải ngón giữa, ngón vô danh, út ngửa ra đứng thẳng, ngón cái vịn tiết trên ngón trỏ ở một bên, tay trái ngón giữa vô danh út nắm lại, ngón trỏ hơi cong hướng lên, ngón cái vịn bên tiết ngón giữa, hai tay đều ngửa,chắp cổ tay lại, hai bàn tay mở ra, tụng Đại Chú.

7. Công Đức Thiên Linh Liệu Bịnh Gia Náo Ấn.

Tay phải ngón cái co trong lòng bàn tay, bốn ngón kia nắm lại thành quyền đầu hướng lên, dùng tay trái nắm cổ tay phải, ngón cái để trên lưng cổ tay. Nếu mỗi ngày kết Ấn, rải hoa cúng dường, tài bảo tự đến.

8. Công Đức Thiên Tâm Ấn.

Hai tay ngón vô danh út xoa ngược trong lòng bàn tay, thẳng hai ngón giữa đầu dựa nhau, đầu hai ngón trỏ vịn lưng tiết trên hai ngón giữa, hai ngón cái đứng thẳng.

9. Công Đức Thiên Cúng Dường Ấn.

Hai tay ngón út xoa nhau trong lòng bàn tay, phải đè trái, co hai ngón vô danh nắm hai ngón út, đầu ngón hướng vào thân; hai ngón giữa đứng hơi cong đầu cách nhau 1 phân, hai ngón trỏ đứng thẳng đầu ngón cách 4 tấc, ngón cái đứng thẳng vịn ngón vô danh trên lưng tiết giữa.

10. Công Đức Thiên Hoan Hỷ Ấn.

Như Hoa Thân Ấn (số 1), chỉ khác hai ngón trỏ nơi lưng hai ngón giữa áp móng để cổ tay trước.

Chi bất đế lệ na, a chi bất đế lệ na, di kỳ đế lệ na, ô tất đế lệ na, nhã phó đa đế lệ na, khu tố đế lệ na, tá ha.

Nếu có quan sự, nên kết Ấn chú này.

11. Công Đức Thiên Linh Chú Sư Gia Náo Ấn.

Mỗi ngày kết Ấn này, rải hoa cúng dường, tài bảo tự đến.

12. Công Đức Thiên Tâm Ấn.

Như Hoan Hỷ Ấn (số 10), hai ngón trỏ để nơi móng ngón cái, hai ngón giữa đứng thẳng hơi cong, đầu dựa nhau. Chú là:

Na kỳ phú rô ưu đa ra phú lô long nhã hô sa, phú lầu ưu bệ xoa lô, a ra kỳ phú lô, tỳ lợi đế na phú rô, thù tri phú rô tá ha.

Đây là Hoán Đảnh Chương Cú quyết định an lành rõ ràng không sai khác. Nếu các chúng sinh thọ trì đọc tụng thông lợi 7 ngày 7 đêm, thọ tám Giới, thanh tịnh thân tâm, đốt hương tán hoa cúng dường mười phương chư Phật, nên vì chúng sinh hồi hướng nơi Đạo Vô Thượng Bồ Đề, cần phát thệ nguyện như vậy khiến các chỗ cầu mong đều được cát tường. Ở nơi chỗ ở, phòng thất tịnh xá quét dọn sạch sẽ, hoặc nơi **a luyện nhã**, dùng bùn hương nê xoa tô địa, đốt hương rải hoa, bày tòa sạch sẽ tốt đẹp, dùng các thứ hoa hương rải khắp đất tiếp đãi Ta. Thời trong khoảng một niệm, Ta liền vào nhà kia, tức ngồi nơi Tòa, ngay liền khi ấy khiến trong nhà kia hoặc thôn xóm, hoặc Tăng phòng hoặc đường xá, hoặc vàng hoặc bạc hoặc trân bảo hoặc trâu dê hoặc lúa thóc, tất cả chỗ cần dùng thảy đều đầu đủ không có thiếu thốn. Nếu hay làm tất cả các điều lành, cao cả đem hồi hướng cho Ta, Ta thường ở bên người đó tùy nơi xứ mà hộ niệm, tùy tâm sở cầu khiến thành tựu. Cần nên chí tâm lễ các Đức Thế Tôn như là Bảo Thắng Như Lai, Vô Cấu Xí Bảo Quang Minh Vương Tướng Như Lai, Kim Diễm Quang Minh Như Lai, Kim Bách Quang Minh Chiếu Tạng Như Lai, Kim Sơn Bảo Cái Như Lai, Kim Hoa Diễm Quang Tướng Như Lai, Đại Cự Như Lai, Bảo Tướng Như Lai. Lại nữa, đảnh lễ các vị Bồ Tát: Tín Tướng Bồ Tát, Kim Quang Minh Bồ Tát, Kim Tạng Bồ Tát, Thường Bi Bồ Tát, Phát Thượng Bồ Tát. Lại đảnh lễ Đông Phương A Súc Như Lai, Nam Phương Bảo Tướng Như Lai, Tây Phương Vô Lượng Thọ Phật, Bắc Phương Vi Diệu Thanh Phật.

CÔNG ĐỨC THIÊN TƯỢNG PHÁP

Dùng người đồng nữ 15 tuổi, dệt một bức lụa 1 trượng 4 thước. Dùng Công Đức Thiên Đại Thần Chú chú Ngưu huỳnh 1.008 biến, đem rải trên mặt tấm lụa. Tháng bạch nguyệt, ngày mồng 8 cho đến ngày 14, dùng bùn đất sạch sẽ làm 1 Thủy đàn 4 tầm. Lấy 1 tượng Phật Thích Ca để ở giữa, cúng dường các thứ hương hoa ẩm thực, đốt năm ngọn đèn, kêu 1 họa sĩ thật giỏi thọ tám Giới, tắm rửa thanh tịnh, lại cùng họa sư tác Ấn hộ thân. Họa sư phải thật cố gắng họa vẽ, tùy theo chỗ cần, Chú sư không được trái ý. Tượng thân dài 1 khuỷu tay, 1 thước 3 tấc 5 phân. Ngoài ra tòa ngồi cần cao lớn đẹp đẽ, dùng Huân Giáng hương, Trầm hương, Bạch đàn hương, phủ trấp hòa keo màu, không được dùng keo da. Dùng Công Đức Thiên Hoa Thân Chú, chú màu sắc, lấy 5 bồn nước để ở trung tâm Đàn và 4 góc trước cửa Đàn làm 21 người trai, nếu không thì 7 người hoặc 3 người cũng được. Tượng thân hình đoanh chính màu hồng bạch, có hai tay vẽ các anh lạc, trân bảo, vòng xuyến, mặc Thiên y, đội mão báu. Tay trái bưng Như Ý Bảo Châu, tay phải Thí Vô Úy, đương ngồi trên tòa. Bên trái vẽ Phạm Ma Thiên, tay cầm gươm báu, bên phải vẽ Đế Thích như rải hoa cúng dường Thiên nữ. Phía sau vẽ núi thất bảo, trên đầu họa mây 5 màu, trên mây có voi trắng 6 ngà, nơi mũi voi quấn bình mã não. Trong bình xuất ra các thứ bảo vật tung ra ở trên Công Đức Thiên. Sau lưng vẽ rừng hoa trăm báu, trên đầu vẽ 1 bảo cái 1 cánh, trên bảo cái vẽ các chư Thiên ca hát, rải hoa cúng dường; dưới chân tượng bên phải, vẽ Chú Sư mặc áo trắng, tay bưng lư hương quỳ gối ngồi trên tấm vải lụa trắng cúng dường.

Lại có 1 Pháp, dùng cây Kiếp Tân (cây mới đốn) tác Thiên Nữ hình dài 1 tấc. Chú Sư tháng Giêng, ngày mùng một, tắm rửa sạch sẽ, ở trước Tượng cúng dường các thứ đầy đủ, ngày ngày thường cúng dâng các món ngon lành cho đến ngày Rằm thì tất cả sở cầu đều xứng ý. Nếu muốn tác Đàn, ở trung tâm thiêu A Bà Mộc Lợi Gia Thảo (Ngưu Tất). Muốn tác Pháp, tháng Giêng, tháng 3, tháng 7, trong các tháng này, nhập Đàn được Thiên Nữ hoan hỷ. Các tháng khác không được.

Nếu muốn hàng phục Đại Lực Quỷ, trước thiêu A Rị Sắc Ca Tử (Mộc Hoạn Tử) có Pháp chú là Quân Xả Rô (Huân Giáng Hương), Na Câu Đà cây lá các thứ hương hoa, dùng bơ bò vàng làm đèn. Y như vậy, lấy các thứ hoa quả, tụng chú 108 biến, mỗi biến bỏ vào lửa 1 cái, ngày 3 thời, 15 ngày là xong. Tất cả tài bảo, y phục, ngũ cốc … đều không thiếu thốn.

Lại có Pháp, nếu các bịnh trên thân người. Hướng nơi người bịnh nằm, mỗi đêm thiêu Ma Na Thỉ La (Hùng Hoàng) và Bạch Giới Tử, quỷ nghe mùi thuốc tức bỏ chạy.

Lại có Pháp dùng lông dê đen, làm dây gút 21 gút để nơi có bịnh tức trừ diệt.

Lại có Pháp lấy Cu rô dả na (Ngưu Hoàng), Tu mạn hoa (Xứng ý hoa) nghiền nhỏ chú 108 biến, bôi nơi trán, tất cả chướng nạn tiêu trừ.

Lại có Pháp lấy lá Đinh Hương, Long não giã nhỏ chú 1.008 biến, bôi nơi tim, lại lấy 1 ít để cột trong tấm lụa, để nơi đầu, tất cả chúng sinh thấy đều vui vẻ, thương kính.

Lại muốn khiến oan gia bịnh, thường ở trước Tượng Công Đức Thiên lập 1 Thủy đàn 1 thước. Bên cửa Đàn đốt Khư đà ra (Tử đàn) xương tay người chết, hạt cải trời, Ha lê lặc đốt ra tro hòa nhũ trấp, vẽ hình tượng oan gia, Chú Sư tụng chú. Tay phải cầm đao, tay trái nắm lại, sân tâm tụng chú 108 biến, lấy chân trái đạp lên tim hình nhân 21 lần, chú thêm **Hồng Phạt** (HŪṂ PHAṬ)

Lại Pháp, Chú Sư muốn được tất cả chúng sinh lại cúng dường, thường ở trước Tượng lập 1 Thủy đàn 2 thước, hướng Tây để 1 cái lò lửa 1 thước, Chú Sư ngồi ở cửa Nam, tay phải cầm 108 hạt muối chú mỗi hạt mỗi biến, bỏ vào lò lửa, như vậy 15 ngày,

ngày 3 thời, mỗi thời 1.008 biến, lại thiêu Tô mật, Bạch tùng, Trầm thủy, Tô hợp hương … trăm thứ ẩm thực, tự lại cúng dường Chú Sư không thiếu thốn.

Lại Pháp nữa, nếu muốn thấy Công Đức Thiên, nên đến bên ao sen lớn, tay phải bưng lư hương xuống dưới ao, tay bứt 1 hoa chú 1 biến bỏ xuống nước như vậy mãn 1 vạn biến, Công Đức Thiên tức ngồi tòa 7 báu ở dưới nước xuất hiện, hành giả dùng một bình bằng bạc bỏ đầy Long não, Hương thủy, rải nơi Công Đức Thiên. Công Đức Thiên tức nói rằng: "Người muốn Ta làm việc gì?". Hành giả tức đáp: "Công Đức Thiên Thần giảm thiểu thí ngã". Nói xong Công Đức Thiên tức đi, từ đó về sau hành giả đi đến đâu cũng có tài bảo, cần gì đều được, thảy đều tùy tâm không có thiếu thốn.

Lại Pháp nữa, lấy Câu kỷ 1 tấc, 108 cái, nhất biến nhất thiêu, ngày ba thời, một thời 108 biến, mãn 108 ngày, hành giả tức được Tam đạt trí.

Lại có Pháp, nếu ở trong chùa hoặc trong thất, chỗ có Xá Lợi trang nghiêm đạo tràng, tượng Công Đức Thiên mặt xây về hướng Đông, lấy Tử đàn khổ luyện, hai thứ này dùng bơ mật bôi lên, bôi một cây chú một biến bỏ vào lửa thiêu cho hết 108 biến, ngày ba thời, qua 21 ngày hành giả được 500 tiền vàng.

Lại lấy Ưu Bát La hoa, nếu không có hoa này, lấy hoa sen xanh mới ra, Xá lợi bà ni, Bố sa đa bà ni ma đà na hương, Ma lô già hương, làm viên bằng trái táo bỏ trong kim ngân hợp tử. Như Pháp trước, ngày đêm tụng chú không ngừng, cho đến khi thuốc tự nhiên động đậy, tức đem ngậm trong miệng, nói gì mọi người vui vẻ ưa nghe, ngày đi 3.000 dặm.

Lại muốn Công Đức Thiên hoan hỷ, lấy Na già chỉ bát (Long hoa), Tu úy đa, Ma già la ni, ba vật làm bột bằng nước sương tuyết, viên bằng trái táo, dùng Kim hợp tử bao lại. Mỗi ngày trước tượng thiêu 1 hoàn, tất cả chướng nạn tự nhiên tán diệt.

Lại Pháp, lất Xá ly sa 1 thiên lớn bằng ngón tay cái, dùng nhựa cây Sa la bôi lên, Chú Sư ở trước Thiên Tượng cầm cây đó tụng chú, mãn 108 ngày, Thiên Nữ hoan hỷ, chỗ có bịnh hoạn, chú lên cây, đụng vào tức tiêu.

Lại có Pháp, lấy lúa nếp đậu xanh chú bỏ vào lửa, mãn 1.000 biến ngày ba thời, mãn 49 ngày, trong nhà các loại ngũ cốc tự nhiên đầy đủ.

Lại muốn trừ trong nhà tất cả tai họa, lấy nhành Già la mộc, nếu không có lấy nhánh Thạch lựu, dùng bơ mật bôi nhất biến nhất thiêu, mãn 1.008 biến, tất cả tai họa tự nhiên tiêu trừ.

Lại muốn trừ tất cả tai chướng trong nhà, mỗi tháng ngày mùng 8, Rằm, lấy than, tro hai vật hòa bơ chú 108 biến rải 4 phương, đứng ở giữa nhà tụng Chú 1.008 biến, tất cả ác quỷ thảy đều bỏ đi.

Chú Sư muốn được Thiên Nữ hoan hỷ, trước Tượng lập 1 Thủy đàn 4 thước. Trung tâm Đàn đào một cái hầm sâu 7 tấc, vẽ hoa sen 12 cánh, trong đốt Tử đàn mộc, Tang mộc dài 1 tấc, ngày 3 thời các thứ cúng dường, thiêu bơ, mật, lúa gạo … tụng Đại Chú mãn 10 vạn biến. Thiên Nữ tức hoan hỷ ban cho đại nghiệm. Tụng chú này không được hành dục, tụng chú này được vô bố úy, A Tu La quỷ thần, Long thần … không có nhiễu hại.

Nói chú này xong, A Nan cùng các Tỳ Kheo trước Phật làm lễ mà lui.

Hết

MỤC LỤC

